

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quan ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-đình-Bính

Chánh chủ-bát Phan-chung-Thư
Sư cụ chùa Bằng-Sứ
Phó chủ-bát : Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

KÍNH TRÌNH CÁC GIÁO HỮU VÀ
THẬP - PHƯƠNG THIỀN - TÍN

Nhờ ơn Phật-Tổ ủng hộ, công việc chấn-hưng của Hội Phật-giáo ta mỗi ngày một bành trướng, số hội viên hiện nay đã khá nhiều, nên hội có cử M. Đoàn-văn-Tuyển đi từng nhà các hội-viên để thu tiền nhập Hội và niên-liễm, vậy các giáo-hữu thấy M. Đoàn-văn-Tuyển đem biên thu tiền của Hội



Chân-dung M. Đoàn-văn-Tuyển

đến thu, thì xin cử tin nhiệm mà giao tiền cho, và biên vào bảng thu tiền là : **đã đóng tiền rồi.**

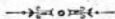
Các hội-viên qua lại Hội-quán trong khi lễ bái, nếu muốn tiện đóng liền ngay thì xin cử đóng cho Sư Cụ Cồn là Dương-Gia-chùa Hội-quán, hay ông Nguyễn-hữu-Kha là Trưởng-Ban Hộ-Niệm thu nhận.

Những số tiền của Hội-viên đóng sẽ chuyên giao sang ông Tổng Thủ-Quỹ của Hội nhận giữ.

Ban Trị-sự Hội Phật-giáo Bắc kỳ
Kính đạt

Mây lời cảm-kích của báo Đuốc-Tuệ

ĐỀ NHỊ CHỮ NIÊN



Đuốc-Tuệ ra đời đến nay đã được hai tuổi. Trong hai năm nay, bản-san chăm chỉ theo đuổi về một mục-dịch. Cái mục-dịch duy-nhất của hội Phật-giáo Bắc kỳ mà chính là cái mục-dịch cần thiết chung của cả loài người đời nay. Tức là cái mục-dịch phát-huy chỗ tinh-thần chân-chính của đạo Phật ra hiện-thực, để cùng giải-thoát cho quần chúng khắp các giai-cấp trong xã-hội. Bởi vậy hai năm nay bản-san chúng tôi hết sức bỏi móc trong đồng sanh-sôi bùn lầy mà tìm lấy viên-ngọc chân truyền, vén quang những đám mây mù khói bụi mà trông tỏ ánh vàng tuệ-nhật, như các số báo đã bày tỏ.

Nhờ được các Quý-vị chí đồng đạo hợp trong ngoài hội khắp ba kỳ trong nước cùng chứng minh cho cái mục-dịch chúng tôi như trên ấy, nên hai năm nay số độc-giả ngày một tăng, khiến cho Đuốc-Tuệ được thành cơ sở vững-vàng về tinh thần cũng như về tài chính, chúng tôi rất lấy làm cảm kích vô cùng. Nay nhân kỳ đệ nhị chu niên của bản-san, chúng tôi gọi có mấy lời tuyên dương : trước là cảm tạ các Quý-vị độc giả đã có lòng yêu mến, sau là mừng rằng cái hạt giống Đại-thạng nhà Phật vì lấp bấy lâu nay mới tái sinh thì được có đất mà gieo mà rúc. Hạt giống ấy há không phải là **chủ nghĩa bình-đẳng**, là tinh-thần **cứu thế lợi tha** đó ư ? Ngặt vì bấy lâu bị Tiền thặng chấp mê, tà kiến tràn lầy, làm rối loạn lòng người, khiến cho chúng sinh không được thấm-nhuần những công đức đại-nguyên của Chư Phật. Cũng may thời-thế đến ngày nay, loài người tiến-hóa, trí-thức mở mang, người ta đã tới cái trình-độ quy-y về chính-giác. Chúng tôi xin thành tâm thệ-nguyện cùng Các Quý-vị chí-đồng đạo-hợp mười phương, lấy nước cam-lộ tâm trời cho cái năm giống **cứu thế lợi-tha** của Đại-thạng

Phật-giáo trong Đuốc Tuệ đã gieo rắc ở nơi tâm địa đại-chúng hiện giờ, ngày một nẩy nở, tấn tới, khai hoa kết quả, làm lợi ích cho xã hội nhân quần thực tế. Cho được phu với lòng thệ-nguyện, chúng tôi mong ở Các Ngài càng thêm giúp rập vào cho. Hoặc về phần ngôn-luận, hoặc về phần cổ-động thêm nhiều độc giả, cho Đuốc-Tuệ ngày càng đầy đủ lực-lượng mà chấn chỉnh và khuếch-trương, cho càng thêm tinh thêm đẹp, lộn lồi lộn lành, cả về tinh thần, hình thức, công-đức ấy lớn-lao biết chừng nào !

Sau đây chúng tôi lại xin thanh minh về Các Quý vị thập-phương biết. Cũng vì như trên đã nói, Đuốc-Tuệ đến nay đã có cơ-sở vững-vàng, nên ban trị-sự bản hội giao việc tài-chính làm bảo cho bền Tàng, để giúp ích thêm phần kinh-tế vào trường táng-học như khi bắt đầu ra báo đã định. Còn tòa-soạn cùng các nhân viên chức-sự vẫn y-nguyên như cũ. Lại vì nửa năm (1937) lại đây giá giấy mực ngày một cao lên. Bản-báo phải chịu thiệt mà giữ nguyên cái giá 1\$00 cho trọn năm, chứ không giảm tăng vội. Bắt đầu từ năm 1938 này giữ đi mới tăng giá báo mỗi năm là 1\$50. Cứ đem cái giá nhân-công vật-liệu hiện-thời mà so sánh, thì cái giá 1\$50 về 24 số Đuốc-Tuệ trong một năm, tương cũng không còn gì là lờ-lãi. Song Đuốc-Tuệ là báo hoằng pháp, Bản-hội vì đạo mà làm, xin Các Ngài cũng vì đạo mà đọc giúp.

Ấn-tổng một bộ kinh, tổn-phí biết bao mà người xưa nặng vì đạo-pháp, vì lòng công-đức mà vẫn làm. Nay Đuốc-Tuệ là một cơ-quan truyền-bá đạo-pháp chung, mỗi người trong Các Ngài không tổn-phí bao nhiêu mà công-đức tuyên-dương nhanh chóng và phổ-cập gấp mấy mươi sự ấn-tổng kinh sách ngày nọ. Vậy xin khắp Các Ngài Tàng, ni, Thiện tín thập-phương thề tất.

Giấy da, mực máu, bút xương,

Năm năm tinh tiến tuyên-dương đạo lành.

PHÁ BA ĐIỀU NHẬN LÂM GIÁO-LÝ CỦA ĐẠO PHẬT

(liếp theo số 64 và 1ết)

3. Nhận lâm về chính-nghĩa lời nói « Niệm Phật cầu vãng-sinh » của phái Tịnh-độ. — Đạo Phật vốn chỉ có hai phần giáo nghĩa chân-chính là triết lý duy-tâm và luân lý phả-độ. Nhưng muốn thực hành được công đức của luân-lý phả-độ trước phải hiểu thấu phần triết lý duy-tâm. Cho nên phần triết-lý duy-tâm là phần nền móng cốt yếu của cái công phu tu học đạo Phật.

Duy tâm là mọi sự cảm-thông, mọi mối thiện ác, mọi sự hay dở, phúc họa đều bởi tâm ta mà ra. Nhưng bản lai của tâm ta nó vốn thanh-tĩnh hồn nhiên chưa phân thiện ác như nước chưa có sóng, gọi là tâm chân như. Đến khi khởi ra, ý nghĩ hoặc thiện hoặc ác ấy là nước mới có sóng. Ý nghĩ mà là thiện niệm thì ích cho mình, lợi cho đời không biết chừng nào, phúc báo hay siêu thăng làm Thánh làm Phật do ở đó. Ý nghĩ mà là ác-niệm thì hại cho mình, vạ cho đời, không biết chừng nào, họa-báo hay đọa đày làm mọi làm vật do ở đó. Bởi thế trong đạo Phật mới có phép tu-tâm giẫy người ta giữ lấy tâm chân - như cho thanh-tĩnh. Thanh tĩnh thì tri-tuệ sinh, tri-tuệ sinh ra thì biết được điều gì là thiện-niệm mà vun bón cho nó nảy nở ra, điều gì là ác-niệm mà trừ-diệt cho nó liêu-tan đi, như sóng im nước lại phẳng lặng. Phép tu tâm này kỳ thủy lúc Phật mới thuyết pháp tức như đạo bát chính thì nó cũng thuận là triết-lý giống như phép chính tâm của đạo Khổng mà thôi. Song chỉ vì nó thuần là triết-lý cho nên những người độn căn chưa có thể một chỗ một lát mà lĩnh-hội ngay được, vì đời bao giờ hạng độn căn vẫn nhiều mà hạng lợi căn vẫn ít. Bởi vậy Chư Tôn đời sau phải tìm thêm nhiều con đường vẫn-lắt để cho số đông được cùng tới cửa đạo, tức gọi là những phép phương tiện. Phép phương tiện tu-tâm tức là

phép « niệm Phật cầu vãng sinh » của phái Tịnh-độ đó.

Tịnh-độ cũng là một phái về Đại-liền. Phép này dạy người ta sáng tối chuyên tâm niệm một câu « Nam mô A-di-đà Phật » để cầu Đức Phật A-di-đà sẽ tiếp-dẫn về nước Tịnh độ trong sạch sung-xương hơn cái đời khổ-hải này, sau khi mình từ-giữ thể gian. Niệm càng nhiều lần càng hay, mà lúc niệm ấy phải chuyên tâm không nên nghĩ ngợi điều gì khác.

Ngoài sự niệm bằng miệng ra, hoặc dùng tiếng mõ, hoặc dùng hạt tràng để làm dịp làm ngữ cho thêm chú ý. Đó là khiến cho kẻ sơ cơ, kẻ ít học kẻ mắc nhiều việc sinh nhai không học rộng được, kẻ đang tán loạn về nhiều điều dục vọng như tài, sắc, danh, lợi, mỗi khi niệm sẽ giữ lại được cái tâm không vọng tưởng một lúc lâu quen dần đi, tâm tự an định, tự sinh trí-tuệ, tự giữ được chân tâm, bước giống thiện-niệm, trừ diệt ác niệm. Thiện-niệm này nở lúc là biết thực-hành mọi công đức phá độ cho đời mà hưởng phúc báo vãng sinh. Người trí giả thì tự-chứng cõi Tịnh-độ cực lạc ở trong tâm ngay hiện-tại. Xét thế thì biết phép niệm Phật của phái Tịnh-độ, bản ý là khiến cho người ta định được tâm đề-tạo nên công đức phá-độ, thực là một phép phương tiện giúp ích cho đạo Phật nhiều lắm.

Tuy thế nhưng có làm việc giáo-hóa mới biết khó khăn. Dạy người chẳng khác chỉ việc người say rượu đang ngã nghiêng cho ngồi ngay thẳng lại, vực bên này lên thì hẳn lại ngã về bên kia. Tiên nho đã nói thế. Sơ tâm phái Tịnh-độ đặt ra phép niệm Phật cầu vãng sinh là để cho người đời định-tâm mà làm việc công-đức của Chư-Phật. Phép ấy thực là hay cho số nhiều. Song đến khi phép thịnh hành ra rồi, người đời chấp nệ ở hình thức của phép quá, mà quên mất cái linh thần của phép là làm công đức ở thực lễ đi. Niệm lâu quen mồm thành nghiệm, năm, ngời, đi, đứng, ở đâu lúc nào cũng niệm, lúc nào cũng gõ mõ lần tràng. Xuất gia như thế, tại gia như thế. Đến như Bạch-cư-Dị là một người đại

thi hào mà còn tự lấy mình lúc nào cũng không ngại niệm Di Đà làm đũa ý, nữa là kẻ khác. Tuy thế nhưng Bạch-cư-Dị cũng đã để được cái công đức vắn thi bất diệt ở đời, thì cũng còn có thể tự giải được. Còn bao nhiêu người bắt chước Bạch-cư-Dị mà tự mình không hề có chút công đức gì với ai, hoặc chẳng hề trả được một ác niệm gì, như câu « Nam-mô một bờ lầy bốn », và câu « Nam-mô một bờ dao găm », thì dù năm, ngời, đi, đứng, ở đâu lúc nào cũng niệm, cũng mõ, cũng tràng, phỏng có công đức gì, có phúc báo gì, được siêu thăng gì không?

Như thế há không phải là một cách quen mồm thành nghiệp, mình tự dối mình dư. Cần định tâm để biết chính tín mà thành si tâm mê tín. Nghiện lâu người thông tuệ hóa ngu ngốc, người tri độn hóa đá gỗ, đã không hợp với chính nghĩa đạo Phật, lại cũng không đúng với chính nghĩa của phép niệm Phật phái Tịnh độ. Ôi, tin đồ Phật càng đông mà đại nguyện Phật không thực hiện cho đời, cũng chỉ do người đời hay mê chấp hình thức của đạo pháp như thế.

Nay ta đã biết chỗ sai lầm, ta nên cải chính lại, phép niệm Phật vốn hay, ta không nên bỏ, nhưng ta phải nhớ bản ý của phép ấy là niệm để định tâm, để thực hành công đức của Chư Phật ra hiện tại. Chứ không phải niệm để mà niệm, niệm để du ngủ, niệm để quen mồm, niệm để người khác biết là mình tu Phật. Thì chính nghĩa đạo Phật sẽ sáng tỏ ra đời, quần sinh bị ơn trạch vô cùng

Ng. tr. Thuật

CẦU VINH THÀNH BỊ NHỤC

Ngày xưa Phật có nói một truyện đề răn các vị đệ tử rằng: Một hôm có ông già người rất hiền lành thà tha đứng đũa công chúng bày tỏ đức hạnh nhân từ kiêm khiết để khuyên lữ thiếu niên. Ông ta nói: cụ thân sinh tôi trước suốt đời giữ giới bất sát ngiêm cầu, ngay đến những con

trùng nhô cũng không hề giết hại bao giờ, mà lại đến giờ, không trộm cắp cũng không hề xâm chiếm của ai một cái kim một ngọn cỏ nào. Đó là một câu truyện thật, tất cả công chúng ai nấy cũng đều kính phục ông cụ có cái đức tính quý hóa ấy. Không ai là người không tấm tắc khen ngợi. Bấy giờ ở trong công chúng có một người ngu ngốc trẻ tuổi, anh ta hiểu nhầm câu truyện nói thật ở trước công chúng để khuyên mọi người, anh ta cho là hề ở trước công chúng mà nói được câu truyện gì ấy là vinh diện lắm. Anh ta xăm xăm ra trước công chúng nói : Chà, cái đức hạnh ấy đã thấm vào đâu với cha tôi, nếu đem so cái đức tính tốt của cha tôi thì còn gấp mấy ấy kia.

Có người ở trong chúng nghe nói lấy làm ghét lắm, bèn hỏi ngay rằng : Sao, sao, đức hạnh cha anh thế nào ? Anh rói cho chúng tôi nghe thử. — Anh ta đáp : Cha tôi suốt từ bé đến giờ không hề dâm dục bao giờ, mà cũng không hề gần người đàn bà nào cả. Cả đại chúng nghe ai nấy đều cho là nói láo, lại hỏi ngay anh ta rằng : Ủ, thế cha anh có cái tính bỏ dục sự dâm dục quả như thế thì hay thật. Song còn thân anh ở đâu mà sinh ra, làm thế nào mà có thân anh được ?

Bấy giờ anh ta cũng đỡ lưỡi ra, xấu hổ đỏ mặt lên không giả lời lại được, cả đại chúng cười ồ lên, anh ta bẽn lẽn chạy mất, rõ thật chỉ vì có chút lòng cầu danh lại hóa ra bị xỉ nhục. Ấy ở đời phần nhiều cũng thế, chỉ thích các hư danh, trộm danh để lừa dối đời, gây ra lắm chuyện buồn cười. Vậy những người tu hành nên biết hồi đầu bỏ ngay cái ngoan không đi, thì mới tìm đến chỗ chân không được.

TRÍ-HẢI thuật

BẢN VỀ SỰ ĐỐT MÃ

(tiếp theo và hết)

2. SỰ ĐỐT MÃ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHẾT

Người ta vì lòng ăn ái cùng nhau, vì nghĩa sinh li tử biệt, thương nhớ nhau, muốn báo đáp cùng nhau, song

không biết làm thế nào, đương cơn bối rối tâm thần bất định, sinh ra bói toán, gọi hồn gọi quỉ, gặp bọn tà đạo nhằm nhĩ, thấy lợi bèn liam, bịa đặt ra truyện này truyện nọ, liền đòi cái nọ, liềm thích cái kia, những người nhẹ dạ tưởng thật, thế là hoặc nhà có hoặc vay mượn, trăm nghìn coi cũng như không, không hề sên tiếc, nào mời thay (thay là người cúng thay, kêu thay lạy mượn chứ không phải thay) nào sắm sửa đàn nọ đàn kia trong 5, 7 hôm hoặc một vài giờ. Ôi thôi ! túi bạc kè kè hôm nào nay đã ra nắm do tàn, bụi mù cả sân, chứ nào có thấy người chết về mang đi tí gì đâu ?

Trong bức thư tôi gửi thăm các vị Tiểu-học tôi có tả sự hư danh cũng như cổ mũ giấy nhếch nháo bề ngoài, kỳ thật trong bụng không có gì cả chỉ một chốc là ra do, sau tôi có tả bốn câu rằng :

Ngán thay những sự dị đoan,

Phí tiền thêm nắm do tàn rếch sân.

Mấy lời kính cáo đồng nhân,

Tinh thần Phật dụng ta cần khoáng chương.

Xin các độc giả nghĩ coi có quả thế không ? Sau nữa tôi xin hỏi các nhà đốt mã rằng : nếu quả ở dưới Âm phủ có dùng các đồ mã thì khắp thế-giới từ xưa tới nay qiết bao nhiêu người chết thế chỉ có mấy người có người nhà đốt mã cho mới có đồ dùng, còn các người khác dùng bằng gì ? và sau này 7, 8 chục năm 2, 3 trăm năm không ai đốt cho thì dùng bằng gì ? mà đốt nào đứn ở, con đòi, nào trâu, bò, chó, mèo, lợn, gà, xuống đây lại không thấy đốt cơm, đốt thóc, gạo, củ, bèo, khoai xuống đây thì chúng nó ăn bằng gì ?

Lại còn một lẽ quan trọng hơn nữa là : Phần nhiều đã đốt mã tất có bày ra cúng lễ chứ không mấy người mua về đốt ngay, mà xin các độc giả nếu thấy đám đốt mã nào đó thứ đến xem, và nói với các vị cúng thay giảng nghĩa các kinh tụng, các khoa

cùng, các sở điệp trạng, xem có phải trong đó toàn là những lời cầu nguyện đức Phật Di-đà cho các người vong được siêu sinh sang nước Cực-lạc là nước của ngài đó không ? Thế đã có lòng thương đến người vong, muốn cho người vong được siêu sinh Tịnh-độ, được giải thoát tiêu rạo, cầu đến Phật thì tất nhiên ngài cũng lại theo nguyện độ chúng sinh của ngài, mà ngài đón tiếp chứ không không, lại cả đến các vị Bồ-tát như ngài Quan thế-âm, ngài Thế-chí cũng chực chờ đón sang để làm bạn với các ngài ở bên ấy, đã dự sẵn một tòa sen rất quý báu và lịch sự, nếu đã sang đây thì hãy muốn thế nào là được ngay như ý, không hề có chút gì là trái ý, rất là sung sướng vui vẻ không có qua một tý gì là khổ não nên gọi là nước Cực-lạc. Thế mà cúng thí cầu sang nước Phật, mà người vong lại xuống âm phủ để dùng các đồ mã, như thế có phải trống đánh xuôi kèn thổi ngược đó không? nói một đấng làm một rẻo, các độc giả thử tưởng tượng xem thế nào? thật tôi không hiểu ra sao cả, mà nếu người vong sang Cực-lạc thì đồ mã dưới âm phủ để ai dùng, chẳng phải vất đi là gì? Hay bảo đem sang Cực-lạc thì quyết không có lẽ đó, vì đức Thích-ca nói kinh Di - đà, ngài có nói : « Ở nước ấy không có địa-ngục, ma đói và súc sinh, cho chí cái tên ba thứ đó cũng không có, huống chi là có thật », thế mà nay ta đem : nào chó, mèo, cùn, cùng là các loài súc vật sang đây có lẽ đức Di-đà và các vị Bồ-tát bên ấy chắc lấy làm lạ lắm, mà lại gây các giống súc vật ở bên ấy thì lại hành ra nước Phật cũng có súc sinh, không đúng như lời Đức Thích-ca nói, và nếu ở Cực-lạc mà lại còn phải nhờ ở cõi cực-khổ gửi các đồ dùng sang cho mới có mà dùng thì sao gọi là « Cực-lạc » được, mà sau này các đồ ấy lâu ngày hư hỏng đi thì dùng bằng gì? Xin các độc giả thử nghĩ kỹ những lẽ tâm thường hiển nhiên đó có thể biết rõ là sự đốt mã là sự vô dụng, nếu các ngài không tin cho là « âm dương đồng nhất lý », tôi xin đem

cái thiện kiến của tôi nói về nghĩa « âm dương đồng nhất lý » cũng hiển các ngài, câu đó ý nói là ở đâu cũng thế, tức là ở đâu có đồ dùng ở đấy, ở nước nào có đồ dùng nước ấy, ở đời nào có đồ dùng đời ấy, cũng như chúng ta đây tất là do đời trước mà sinh lại đời này, thế các ngài có mang được thứ gì đời trước lại đời này không ? nào bát nào đĩa, nào chó nào mèo, nếu ngài nào mang lại được xin làm ơn cho tôi xem nhờ, hay đem nhà Bác-cổ bán đất lắm kia đấy, hay là các ngài tin ở lời ông thay cúng phù phép khai quang khai quang gì gì đó rồi cầm nắm đóm vừa ngoáy ngoáy vừa đọc : « ả a biển thiếu thành đa u hóa vô vi hữu... » nghĩa là biển ít ra nhiều, hóa không làm có, mới nghe chắc ai cũng cho ông thay ấy là cao tay là thần thông lắm hẳn, vậy đương thời đại kinh tế khó khăn này các ngài nếu đem một tờ giấy bạc nhờ ông ấy phù phép làm cho một đồng hóa ra ức triệu đồng, cho đến hằng hà sa số, vì không còn hóa ra có được, huống chi ít biển ra nhiều, đó quả là lời ông ấy nói ra, nếu mà được như thế thì khắp hoàn cầu ngày nay không còn qua một người nào phải chịu lầm than vật lộn ở trên con đường sinh sống eo hẹp này, thần kinh tế sẽ phải bị đầy Côn-lôn chung thân, không bao giờ được tha, mà chắc nhà ông cúng thay, ông sẽ làm một cái nhà lầu riêng để lúc nào phòng đi cúng về nghỉ mát tầng cao nhất chỉ cách một tấc nữa thì cham giới, chứ chắc ông không chịu ăn chung ở lẫn với những người phạm tục. Xin các độc giả xét lại các lẽ đó đủ chứng rằng đồ mã không thể dùng vào đâu được, thảng hoặc nếu có phải về loài ma quỷ dùng thì chỉ để riêng các loài ấy thôi chứ lẽ nào ta lại cho tở tiên nội ngoại ta cũng dùng đồ ma quỷ hay sao, huống chi là đối với Phật Thánh ?

Vậy mong rằng nay chúng ta đã có lòng tin Phật nên tin một cách chính đáng, nên thủ tín chứ không nên bội

lin, nếu ta không thủ tin không những hại riêng cho ta mà còn hại lây cả cho con cháu ta, thân thích ta là khác nữa, lại làm boai nghi cho những người bàng quang đối với đạo Phật, không hiểu rõ đạo Phật, cho đạo Phật là mê tín, nếu chúng ta không bỏ các sự nhảm đó đi thì tất là chúng ta đã không được phúc, bị tổn tiền, mà còn mang tội là làm dẫm mắt cả tôn chỉ đạo Phật đi nữa chứ không phải là chúng ta sùng bái đâu. Nay nếu theo đúng như lời Phật dạy trong các kinh : « Như có người thiện nam tử kẻ thiện nữ nào, có lòng nghĩ đến cha mẹ thân thuộc mất đi mà muốn tỏ lòng báo đáp ân sâu nghĩa nặng đó nên làm các việc từ thiện, cứu cấp các kẻ nghèo túng tâng tâng ốm đau, hoặc bỏ-côi, bay già yếu không người cấp dưỡng, để lấy công đức ấy hồi hướng cho người vong chớng siêu thoát và tụng kinh lễ bái cúng dàng tam-bảo, nhờ sức uy thiêng gia hộ, phúc đức càng càng thêm, âm dương điều lợi » chứ miệng ta nói là tin Phật, mà tay ta cứ làm việc ma, lòng ta cứ nghĩ sự quý thì có khác gì người giồng cây bồ hòn mà lại đòi ăn quả cam thì làm thế nào được, vậy nay nếu toàn cả nước ai ai cũng nhất tâm tin Phật, làm theo lời Phật, đem số tiền đốt mã vô ích đòi làm khoản tiền từ thiện tích cực trong khoảng 5 năm hoặc 10 năm thì có thể tới mấy triệu đồng đem số tiền đó hoặc mua nhà mua đất mua ruộng lập xiêng công nghệ, có thể giúp ích cho được bao nhiêu người đương bị cheo leo trên đường sinh hoạt, cầu sống không xong chết đi không được, và đến khi nhờ đâu bị thiên tai hạn hạp, có thể chích khoản đó ra giúp đỡ nhau trong cơn khốn đốn, một miếng khi đói bằng gói khi no, há chẳng phải là một việc nghĩa vụ rất hay đó ư ? mà các người trong lúc đó chắc cũng vui lòng lắm, nói đến sự thiện tai nào có ai biết trước là lúc nào sẽ bị đau, như ở Tàu về tỉnh Tứ xuyên hiện nay xem các báo Tàu đáng nhiều huyện đã tới mười mấy đồng bạc một gáo nước,

12\$00 một đấu gạo, người chết dầy đường, đất thành đá, sỏi, có người đã giết con giết mẹ để lấy thịt ăn, cầm hơi đợi chết, nghe rất ghê sợ mà nước ta ngay vài năm vừa qua nào Nghệ Tĩnh, cùng là Bắc-ninh, biết bao nhiêu người bị sự tai vạ đói khổ đó. bấy giờ chúng ta thấy đồng bào chúng ta gặp cơn nguy biến ấy tuy lòng dù muốn hết sức giúp nhưng khổn về nổi miệng nói được những châu không thể bước tới, tiền không có một đồng, gạo không có một hạt, bấy giờ nước đến chân mới nhảy, dù có hết sức hết lòng chẳng qua cũng chỉ như đồng củi đương cháy ngắt giờ, một giọt nước tươi vào có thấm vào đâu.

Vậy nay chúng ta nên tích cực tinh thần thật dụng, tích cốc phòng cơ, đem số tiền đổi vàng mã góp lại, các hội Phật-giáo đứng làm lãnh tụ thu lấy, lập thành đoàn từ thiện, thực hành chủ nghĩa từ bi cứu thế Phật dạy thì công đức biết chừng nào. Vậy mong rằng các đạo giả cùng lòng hết sức hỏ hào tán trợ, khuyến bảo mọi người cùng làm, chắc không bao lâu sẽ có hi vọng kết quả mỹ mãn, ngài nào có ý kiến gì đối với vấn đề này xin đăng lên báo để công chúng cùng rõ.

Sa-môn Trí-Hải

Viết tại Trung-quốc 8-8-37

PHẬT-HỌC VẤN-ĐÁP

TỰA

Đạo Phật cao rộng vô cùng. Kinh-điển có đến hơn năm nghìn bộ, nhiều nghĩa-lý uyên-thâm, trừ phi bậc thông-minh mới hiểu thấu được. Muốn cho đạo Phật phổ cập, phải tìm những vấn-đề thông-thường, giản dị, để làm lối nhập-môn, càng vào càng thấy quang-cảnh rực rỡ mà

không muốn thôi. Ấy là mục đích cuốn « Phật-học vấn-đáp » này vậy, dù nghĩa lý không được sâu xa, văn - chương không được trau chuốt, giám xin Cao - minh chu-quân-tử, lấy lượng quảng đại mà hỷ xả, cảm tạ.

Mùa Đông năm Đinh-sửu, năm thứ mười hai niên hiện Bảo-dại.

Phượng-sơn : Nguyễn-Thiện-Chính Kính tựa.

PHẬT-HỌC VẤN-ĐÁP

Hỏi : Thờ Phật và thờ Thần khác nhau thế nào ?

— Các tôn-giáo hoặc thờ nhiều vị Thần, hoặc thờ một vị Thần, gọi là Thiên-thần (天神). Tin rằng : Thiên-thần là chủ tể và sáng tạo ra Vũ-tru và muôn vật, có thể tạo phúc hay giáng họa cho hết thảy chúng-sinh, nên kính lễ thì được hưởng phúc, trái lại, không biết kính lễ thì bị tai vạ.

Thiên-thần là một vị Chí-tôn, không thể lấy tài đức, học hành mà sánh kịp được, nếu mong sánh kịp là vọng-tưởng và vô lễ không phải là Tin-đồ.

Đạo Phật thì không thế, Phật giảng rằng : Chư Phật về các kiếp trước, cũng chỉ là chúng-sinh mà thôi, vì có công tu hành lâu đời, mới thành Phật vậy, nếu chúng-sinh mà chịu tu hành lâu đời, rồi cũng sẽ thành Phật. Câu nói : « Ngã thị dĩ-thành Phật, chúng-sinh thị vị thành Phật 我是已成佛, 眾生是未成佛 », nghĩa là : Ta là Phật đã thành rồi, mà Chúng-sinh thì là Phật chưa thành.

Muốn thành Phật thì phải cầu tại Tâm, muốn cho tâm được hoàn toàn cái tính sáng-láng, tức là Phật tính (佛性) thì phải tránh sự ác làm sự lành. Đã làm lành thì dù chưa thành Phật, nhưng đã có thiện nhân, thì kiếp sau được hưởng thiện báo, như tam đa (三多), ngũ phúc (五福), v. v. trái lại nếu làm ác, là gây cái nhân kiếp sau phải chịu ác báo. Như thế là họa phúc đều tự Tâm mình tạo ra cả, chứ không phải bởi tạo hóa hay quỷ thần, mà

thờ phụng để cầu phúc tránh họa được.

Thờ Phật là tâm mộ và tín ngưỡng cái đức hạnh của Chư Phật, làm gương cho mình noi theo, mình thường niệm đến các ngài mà nhớ luôn đến sự làm lành, không bao giờ sao nhãng, chứ không phải như cái mục đích thờ Thần.

Các thiện nam, tín nữ, nay chùa nọ, mai chùa kia, cầu của, cầu con, như thế là tin Phật cũng như Thần là sự biểu lăm. kỳ thực Phật không thể thay đổi được định nghiệp của người. nếu muốn cầu của cầu con, thì phải gây cái thiện-nghiệp mới được.

Phật còn không thể thay đổi định nghiệp, huống chi là thần, thần còn phải tu hành nhiều kiếp mới thành Phật, thì thay đổi định-nghiệp của người thế nào được, mà người ít của muốn cầu được của, người không con muốn cầu được con, nên muốn cầu thần thì cũng như cầu Phật, nghĩa là phải cầu tại tâm mới được.

Thần là bậc Thiên-giới (天界) là ở trên Nhân-giới (人界) thì kính lễ các ngài, cũng ví như kính trọng bậc tôn-trưởng, chứ cầu giùm phúc tránh họa, là sự mê-tín, không khi nào được.

Thần với Phật phải phân biệt cho rõ ràng và sự phụng thờ phải cho chính đáng, thì mới là người giác-ngộ (覺悟) vậy.

Tích ông Bàng Cư-sĩ tu tại-gia

Có ông họ Bàng kia nhà đủ ăn, chuyên việc tu-hành; lúc nọ có năm trăm Phật Bồ-tát đi du địa phủ, một tên tội nơn bị cầm địa ngục gặp Phật cúi đầu xin Phật cứu. Phật hỏi tên tội nhân ấy : « Nhà người bị tội gì đó? » Người tội nơn ấy bạch Phật rằng : Hồi ở

trên dương thế, tôi đặt rượu cho người ta uống cho loạn tánh, chừng nào tôi uống hết rượu, thì tôi mới hết tội. Vậy tôi cúi đầu xin Phật độ chúng sinh ngu dại, uống giùm cho hết rượu tôi đặt còn lưu trữ tại đây ». Phật bô - tát cảm động uống hết rượu cho tên tội nơn ấy đi đầu thai, Phật bô-tát bị Phật tổ phạt tam đồ khổ vì phạm giới cấm ẩm tửu, năm trăm Phật bô-tát phải đầu thai ra năm trăm con ốc dặng bị đao chặt, nước nấu lửa đốt, Phật muốn tiêu rồi một kiếp mà khỏi bị tam đồ khổ. Phật bô-tát hiện hồn kêu họ Bàng Cư sĩ xin cứu, ông nắm chiêm bao thấy rồi hỏi : tôi làm sao cứu Phật dặng ? Phật dạy ông rằng : đến mai ra ngã ba đường gặp ai bán 500 con ốc đủ màu sắc thì mang về rồi thả xuống hào xen thì là cứu đó, ông Bàng Cư-sĩ làm y lời, năm trăm vị bô-tát chết đó ; khỏi bị chết tam đồ khổ, rồi đến ơn cho ông họ Bàng cư sĩ, Phật bô-tát này cho vàng bạc, Phật bô-tát khác cho ngọc ngà châu báu, ông Bàng cư sĩ giàu có vô cùng, mới tính cho người mượn, để nhiều vô ích ; mỗi lần cho người mượn thì ông Bàng cư sĩ có sai hai người bạn đem tiền đưa cho người, chúng nó thừa dịp lấy lên một khi một ít, rồi chúng nó đồng đem lên núi mà giấu ; lấy đủ nhiều rồi, tính thôi ở mượn với ông cư-sĩ, ra khỏi nhà chủ rồi thì tính như vậy : một đũa thì xuống chợ mà mua đồ ăn, dặng đem lên núi ăn uống rồi mới chia, một đũa lên núi trước sửa soạn, hai người đều có bụng tham muốn lấy hết một mình ; người đi chợ tính bỏ thuốc độc vô đồ ăn, cho người ; lên trước ăn vào thì chết, rồi mình lấy hết tiền ; còn người đi lên núi trước tính đón người đi chợ về đập nó một cây cho chết, lấy đồ ăn no bụng mạnh sức vác tiền về ; người ở trên núi giết chết người đi chợ, ăn đồ ăn bị thuốc độc cũng chết, thấy không ai chôn ; loài chim giả thấy, bị thuốc cũng chết, nên có câu chử : nơn tham tài tắc tử : điều tham thực tắc vong (người ham ăn thì chết, chim háo thực cũng chết) ông Bàng Cư sĩ nghe biết phiền mà nói rằng :

giống tiền này hại nhiều mạng quá ! Kể có một tên học trò thi rớt về, tách cũng tham ; nghe đồn ông Bàng Cư-sĩ cho người ta mượn tiền ; anh ta tới mượn năm trăm lượng bạc ; ông Bàng Cư-sĩ nói với tên học trò rằng : chủ ốm yếu làm sao mà vác nổi năm trăm lượng bạc, thôi tôi cho chú mượn con lừa chở bạc về, rồi dắt lại cho tôi ; anh học trò chở bạc về chừng vài dặm đường, thì con lừa đứng lại không đi nữa. Anh học trò hỏi : Sao mày không đi ; chủ mày cho tao mượn mày mà chở bạc ? Con lừa đáp lại rằng : « chứ biết chủ mà không biết nghĩa ? lưới trời tuy rộng mà một mắt không lọt, tôi ăn cắp của ông Bàng cư sĩ này ba thúng lúa, mà bị đầu thai làm lừa ba kiếp trả nợ cho người ; huống chi chủ lấy của người năm trăm lượng bạc, biết chủ đầu thai mấy trăm kiếp mà trả cho. dứt nợ người ». Anh học trò kinh hãi, dắt con lừa trở lại nhà ông Bàng Cư-sĩ tự sự trước sau mà trả bạc lại, ông Bàng Cư-sĩ than và nói rằng : « Giống bạc này nó hại nhiều người chết, nhiều người thành cầm thú ; vậy có nó mà làm chi ? » ông đem đồ tiền bạc ngọc ngà châu báu xuống sông hết. Năm trăm vị Phật bồ tát thấy ông Bàng Cư-sĩ không ham châu báu thế gian ; lên cho nhà cửa sản nghiệp cháy tiêu tận ; nhưng ông Bàng Cư-sĩ không có chút nào rầu phiền, con trai thì cày bừa làm ruộng mà ăn ; con gái thì buôn bán độ nhật lo việc tu hành ; cô gái họ Bàng hay đi cúng chùa ; tại chùa có một ông Hòa thượng, tâm trần chưa được dứt hết, thấy cô gái họ Bàng liền phải lòng ; cô gái họ Bàng vắng lên chùa một tháng thì ông Hòa-thượng sinh tương tư, mấy ông đạo huynh cho hay ; cô gái họ Bàng vô tình, lên thăm thầy bệnh, ông Hòa-thượng nói : « có đến thăm tôi thì mười phần bệnh giảm hết năm phần ». Cô gái họ Bàng biết ý liền đáp lại : « Vậy tôi về thưa với cha mẹ tôi, tôi lên chùa ở nuôi thầy đừng không ? » ông Hòa-thượng vui lòng liền : « ừ », cô gái họ Bàng về thưa với cha mẹ xin lên ở chùa vài ngày đừng điếm tình cho ông Hòa-thượng ; cha mẹ chịu cho, cô gái họ Bàng

lên ở chùa thì ông Hòa-thượng hết bệnh. cô gái họ Bàng lập kế nói với ông Hòa-thượng rằng: nay xin cho tôi vô liệu sửa soạn làm phòng; ông Hòa-thượng ngỡ là thiệt, hiệp ý với ông; ông ra cho cô Bàng sửa soạn đặng tối có cùng nhau phối hiệp. Cô Bàng lấy tượng Phật trải ra trên chiếu, còn kinh thì bó lại giả làm như gói. Ông hòa thượng vô thấy vậy thì hết hồn, liền hỏi: « Cô làm cái gì kỳ vậy? sao cô trải tượng Phật mà nằm, làm vậy tội nặng lắm! ». Cô bàng đáp lại rằng: nằm trên tượng Phật bằng giấy thì là tội nặng, phải sa địa ngục, vì không kính, không trọng Phật, tượng hình bằng giấy, nằm trên còn tội lớn, còn tôi là người thiệt, bụng tôi nhiều kinh, lại tâm tôi có Phật, vậy nằm trên người Phật thiệt, kính Phật thiệt, phải sa địa ngục nào hay là không tội? Nghe nói vậy thì ông hòa thượng như thóc dầy trưa thấy mặt trời chói rạng trong phòng tối, nên ông hòa thượng tạ ơn cô họ Bàng, rồi lên bái ông họ Bàng, mà xin lỗi, ông họ Bàng nói với ông hòa thượng rằng: « chẳng lỗi lắm, vì biết cái thì vô tội ». Ông họ bàng còn cứu độ được ba người ăn cướp tu hành Phật nữa. Sau một ngày, một giờ cô gái họ bàng thành Phật trước, rồi kể lời cha mẹ cũng thành Phật, người anh cũng thành Phật luôn, cả nhà đều an lạc tại đất Phật.

Làng Mỹ-an, tổng Bình-thanh, quận nhì, tỉnh Vĩnh-long Nguyễn chánh tri-bộ cư-sĩ ra đời đạo huỳnh pháp danh Minh-Đẳng Lê đình Hoa.

VIỆT-NAM THIÊN-TÔNG THỂ-HỆ

(tiếp theo)

10. — Nguyễn-học 願學 Thiên-sư

Nguyễn-học Thiên-sư trụ trì chùa Quảng-báo, làng Chân bộ, Như nguyệt. Người vốn quê ở làng Phù-cầm, nhà họ

Nguyễn. Từ nhỏ Người đã theo học Mật-nghiêm Viên-tri Thiên-sư. Khi đã hiểu đạo rồi Người bắt đầu trụ trì ở núi Vê-linh, tu đường Phạm-bạch, trải 12 năm, mỗi khi ngồi thiền quán bá ngày mới giấy, thường trì chú «Hương-hải đại bi đà la ni», trị bệnh đảo vũ đều ứng nghiệm. Vua Thái-tống nhà Lý rất tin, hạ chiếu cho Nguyễn-học Thiên-sư được ra vào nơi cung cấm để tiện cố vấn. Sau Người cáo lão xin về bản tự dạy môn đồ hàng hơn 100 người. Năm Thiên-ưng Chí-bảo thứ 8, tháng 6 ngày 11, lúc Thiên-sư sắp tịch, trước khi Người đọc cho đồ chúng một bài kệ, Người còn đọc một bài tựa bài kệ ấy rằng :

道無影像,	觸自非造.
自反推求,	莫求他得.
縱饒求得,	得卽不眞.
設使得眞,	眞是何物.
所以三世諸佛,	歷代祖師.
卽受心傳,	亦如是說.

Đạo là vật gì,

Trông không hình ảnh,

Tim lại mình ta,

Chẳng tìm được chi.

Dù rằng tìm được,

Cũng chẳng phải là chân-thực.

Nếu bảo đó là chân-thực,

Thì chân-thực là cái gì.

Bởi thế Tam-thế chư Phật,

Lịch đại Tồ-sư.

Trao truyền « Tâm ấn ».

Cùng nói như thế cả.

Vậy có bài kệ rằng :

了	悟	心	身	開	眼	慧
變	化	靈	通	現	實	相
行	住	坐	卧	獨	卓	然
應	現	代	身	不	可	量
雖	然	克	塞	遍	虛	空
觀	來	不	見	如	有	相
世	間	無	物	可	比	況
長	現	靈	光	明	朗	朗
嘗	時	演	說	不	思	議
無	得	一	言	以	爲	當

Tâm đã liễu rồi mắt tuệ khai,

Linh-thông biến-hóa giữa trần ai.

Đi đứng nằm ngồi vẫn như thường,

Ứng hiện hóa-thân khôn siết lường.

Dẫu rằng đầy lấp cõi hư-không,

Như có tướng mà khôn thể trông.

Thế-gian không vật gì ví lẫn,

Vàng-vặc linh-quang vẫn thể này.

Thường diễn những nghĩa bất-tư-nghị,

Khôn đem lời nói mà tỉ-nghĩ.

Đọc xong Nguyễn-học Thiền-sư ngồi xếp phu già mà hóa.

ĐÔI THỨ MƯỜI MỘT (có chín người)

1. - Quảng-Nghiêm 廣嚴 Thiền-sư

Quảng-nghiêm Thiền-sư trụ trì chùa Tịch-quả, làng Trung-thụy, Trương-canh. Người vốn quê ở làng Đâu-

phượng, nhà họ Nguyễn, bỏ coi cha mẹ từ thuở bé, ở với cậu là Báo-nhạc 寶獄, ông Nhạc dạy cho học được ít lâu thì ông ấy mất. Quảng-nghiêm liền đi hành cước khắp bốn phương, tham hỏi nghĩa Thiên, nghe được sư cụ Trí-thiền dạy học ở chùa Phúc-thánh, làng Điền-lãnh, Quảng-nghiêm liền đến xin làm đệ tử. Một ngày kia nghe cụ Trí-thiền giảng sách Tuyết-đậu ngữ-lục đến chỗ hai vị Tăng là Đạo-ngộ và Tiệm-nguyên cùng vào chỗ người chết mà hỏi về sự sinh tử thế nào. Quảng-nghiêm bỗng giác ngộ mà hỏi Cụ Trí-thiền rằng :

— Cứ như câu truyện ấy thì cồ nhân có nói ra phép gì đối với sự sinh tử ấy không ?

Trí-thiền hỏi lại :

— Thế ông có hiểu được phép gì không ?

— Sao lại không có phép gì để đối với sự sinh tử ấy.

— Chỉ cứ tìm ở trong chỗ sinh tử ấy là thấy.

— Là phép vô sinh.

— Thế là ông liễu rồi đó.

Quảng-nghiêm Thiên-sư nghe nói thì lĩnh hội được ngay, bèn hỏi lại :

— Thế thì phải giữ gìn thế nào ?

Trí-thiền dạy :

— Liễu rồi mà cứ coi như là chưa liễu.

Quảng-nghiêm Thiên-sư liền làm lễ tạ, từ đó Người nổi tiếng trong rừng Thiển. Bắt đầu đến trụ trì chùa Thánh-an huyện Siêu-loại. Có quan Thượng-thư là Phùng-giảng-Tường biết tiếng Người lấy làm mộ lắm. Phùng-công-liều đến chùa Người nghe đạo và tuyên dương tông chỉ của Người lên, học trò đến xin học không ngày nào ngắt. Một ngày kia có một vị đệ tử thân là Thường-triều đem nghĩa kinh Kim-cương hỏi Người rằng :

— Trong kinh Kim-cương nói : « Phép mà Như-lai

đã sờ đắc phép ấy không phải là thực mà cũng không phải là hư », thế thì là phép gì ?

Quảng-nghiêm Thiền sư nói :

— Ông đừng có báng diều Như-lai mới phải.

— Hòa thượng chớ có báng diều lòi trong kinh mới phải.

— Kinh Kim-cương là lời người nào nói ?

— Hòa-thượng đừng có khinh tôi không biết, kinh Kim - cương há không phải là lời Phật nói đây dư ?

— Nếu là lời Phật nói thì có gì trong kinh ấy lại nói rằng : « Nếu kẻ nào bảo rằng Như - lai đã có thuyết pháp thì kẻ ấy là báng Phật ».

Ông Thường-triều không nói gì.

Một vị tăng khác lại hỏi Quảng-nghiêm Thiền sư rằng :

— Thế nào là pháp thân ?

Quảng-nghiêm Thiền-sư nói :

— Pháp thân vốn không có tướng.

— Thế nào là bát nhã ?

— Bát-nhã không có hình.

— Thế nào là cảnh giới của quả thanh - tịnh ?

— Chỗ a-tùng-thu (1) cỡ-mộ là cảnh giới ấy.

— Người trông cảnh giới ấy thế nào ?

— Ngồi một mình bưng kín miệng bình.

Vị tăng ấy lại hỏi :

— Khi chợt gặp người tri-âm mà còn lạ nhau thì tiếp thế nào ?

— Tùy duyên mà dương đôi lông mày lên.

— Thế nào xứng đáng là Kiến sơ nhi tôn và Âu

(1) Tùng thu 松楸 : Nuông cây thông giồng ở lăng mộ.

công tông-tử (建初兜孫歐公宗子) ?

— Cứ như một người ngu nước Sở vậy.

Vị Tăng ấy lặng yên.

Năm Thiên-tư Gia-thụy thứ 5 nhà Lý. Canh tuất, tháng 2 ngày rằm, khi Quảng-nghiêm sắp tịch, Người có bài kệ rằng :

離寂方言寂滅去,

生無生後說無生。

男兒自有衝天志,

休向如來行處行。

Lìa tịch-diệt sẽ bàn tịch-diệt,

Sau ứng-sinh sẽ nói vô-sinh.

Tung gươm là chí tài-giai đó,

Hả-tắt theo đuổi Phật mới lành.

Độc kệ xong, Người chấp tay ngồi ngay ngắn mà hóa, thọ 69 tuổi. Phùng-công làm lễ hỏa táng và xây tháp.

(còn nữa)

Đ. N. T.

Đoạn trù oan gia trái chủ

Trào Tống hằng hiệu Thần tông có ông Viên ngoại tên là Trần ngọc Chân vợ là Diệu thi, con gái con trai đều không có, ông bà chí tâm thiện niệm, trong nhà giàu có tiền bạc vô số, hai ông bà tuổi hơn sáu mươi khi đó vợ chồng đảm lặn với nhau, nhờ tiên hơn đề âm đức lại, hai vợ chồng ta làm nên giàu có nay xuất ra vài muôn lượng bạc, đem lên trên chùa, bạc cùng sư phụ dựng làm bạc tiền cầu siêu cho cửu huyền thất tổ, cùng là đa sanh phụ mẫu, sau nữa dựng cho Hoàng thượng ít chục muôn, dựng cung cho binh lính, còn bao nhiêu đem ra bố thí, cho nam phụ lão ấu nghèo khổ Vợ chồng tinh rồi, mỗi việc chi đều làm xong

hết. Ngày qua tháng lại, hai ông bà tuổi gần bảy mươi, ông nói với bà : Còn một việc này nữa, phải cho rồi kẻo sau mắc oan oan tương báo. Bà hỏi : Việc chi dữ vậy, ông nói : Vợ chồng ta tuổi gần bảy mươi, cho vay thời nhiều chi bằng phát tâm làm ơn việc này, thời đời sau dứt hết trái oan. Khi đó ông sai gia bạn đi mời bao nhiêu người thọ trái đến, ông dạy trong nhà nấu ít mâm trước nữa cúng tiên linh, sau là đãi bao nhiêu trái chủ, mấy người trái chủ, đều tới đủ rồi, ông mới nói rằng : Nay vợ chồng tôi làm cái ơn mọn cho mấy người, từ ngày nay đến sau các người không thiếu nợ tôi nữa. Ông bèn đem bằng khoán ra linh sàng đốt hết chốc nguyện cho tiên linh nhờ công đức nàyặng siêu sanh Tịnh độ. Cúng tế rồi, thỉnh ăn uống xong, mấy người trái chủ vào lạy ông bà tạ ơn mà về ; người thời nguyện nói như vậy : Kiếp này tôi trả cho bác không đặng, nguyện kiếp sau tôi với bác kết làm nghĩa vợ chồng đặng mà đền nghĩa này ; có người thời nguyện như vậy : đời này tôi trả nợ cho ông không đặng, đời sau tôi luân hồi lên, tôi đầu thai đặng bác làm cha tôi, mà đền ơn này ; có người thời nguyện như vậy : kiếp sau tôi lên đặng tôi với bác kết làm tôi chúa đặng đáp cái nghĩa này ; có người thời nguyện như vậy : kiếp sau tôi luân hồi lên làm cái người nô bộc cho bác sai khiến đặng tôi trả nghĩa này ; người thời nguyện : lên làm trâu bò, đặng cày ruộng mà đền trả nghĩa này mới đặng ; có tên Trương tùng Thiện, mắc nợ số trên vài muôn đồng, phát lời nguyện như vậy : như kiếp này tôi trả của này không đặng, thời nguyện kiếp sau lên tôi làm cha bác, bác phải chịu làm con tôi, thời tôi trả cái nợ này mới hết ; ông Viên ngoại mới nói : may nguyện cái gì nghịch lý vậy ? — Trương tùng Thiện thưa : tôi kể phần tôi trả nợ cho bác nghe, tôi để bác rồi, bác chừng bảy tuổi, tôi bỏ vào nhà trường mười năm ăn học ; số học biết bao nhiêu, bác đến chừng đôi mươi tuổi, thời tôi phải lo cưới vợ cho bác, vợ chồng tôi có thác rồi,

gia sản tôi để lại cho bác, chẳng nghe cô đức có nói hay sao : Cha mẹ của con đó, là tôi của ông bà để lại, làm cha mẹ cái lòng thương con, không việc chi chẳng làm, làm sao bác nói là nghịch lý ? ?

ÔNG NGUYỄN-HIỂN

Ông Nguyễn-Hiến là người nước Lỗ, nghèo khổ ở lều tranh trại lá, mặc áo rách, thường đội cái mũo bằng giấy mặc đai măng dây nó đứt lòng thông. Thầy Tử-cống thấy vậy mới nói : Tôi với ngài làm tôi một trào với nhau ; mà ngài làm chỉ coi bệnh hoạn quá vậy. Ông Nguyễn-Hiến trả lời nói như vậy : Tôi có nghe trong thiên hạ người nói : « không có tiền của, gọi là người nghèo, học đạo mà không làm theo chánh đạo, gọi là người bệnh », tôi chỉ nghèo, chứ có bệnh hoạn gì đâu ? ?

Minh-đăng : Lê-đình-Hoa

VĂN UYÊN

KHUYỀN BAN ĐỒNG - ẤU

Cửa Phật tiêu giao khắp hạng người,

Mà ta Đồng-ấu cũng chen vai.

Tứ ân báo đáp in cùng óc,

Tam bảo qui-γ nguyện có trời.

Bác-ái mở đôi con mắt rộng,

Chân-như thu một cái tâm vơi.

Rồi đây giáo hội ngày thêm lớn,

Trách-nhiệm ta đây nặng với đời.

ĐỒNG - ẤU CHÚC GIỖ

Bọn 85 đồng-ấu nam và nữ ở chi hội chùa Phúc-lâm (chùa Lương), Quần-phương, nhiệt tâm về học, không

quần đi về nhọc-mệt. Muốn an-ủy cho Đồng-ấu, cụ Nghị Chánh đại-lý Trần-dụng-Hoàn nhân ngày có trọng-húy (cụ cố nhà thế-phiệt, và có chí kháng-khái về việc nghĩa), mở tiệc long-trọng, ngoài thân bằng ra, có thỉnh khắp số Đồng-ấu đó và bao Hộ-niệm. Vì t.iế, đồng-ban chỉnh lễ phẩm chỉ có hương hoa, tới từ đường làm lễ, và Đồng-ấu đọc bài chúc văn như sau này :

Phật-giáo hội chùa Lương tổ chức,

Trần chủ ông mục thước trông coi.

Cho hay Phật tức lòng người.

Tiêu-giao cửa giác, tài-bồi nền nhân.

Nay kính gặp Tiên quân húy-nhật,

Nghĩa « truy tư » trời đất cao giãy.

Dấu xưa với nước non này,

Bóng đêm tinh vệ, tiếng ngày đổ-quyên.

Nền hương hỏa bách niên còn đó,

Nghiệp cơ-cửu thêm tỏ mẫu gương.

Cứ trong nhân quả lẽ thường,

Rành-rành tích thiện dư-khương sai nào.

Chúng con nay dự vào Đồng ấu,

Dem « tứ-ân » nung-nấu đạo Thiển.

Chắp tay vái trước Linh-tiền,

Hương hoa dám gọi dâng lên tác thành:

Nam mô Linh-sảng chứng minh.

Phó đại-lý : Nhân-vân-dinh Trần-duy-Vốn soạn

CÙNG CÁC NGÀI DIỄN GIẢNG Ở CÁC CHI HỘI PHẬT - GIÁO

Từ nay các ngài diễn giảng ở hội-quán các chi xin
cứ tự trọn lấy bài đăng ở trong Đuốc-Tuệ ra mà giảng.

Ban khảo-cứu Trung-ương

GIẢNG KINH THẬP-THIỆN

要講經道業善十

THIỆU-CHỦ-U

CHƯƠNG THỨ NHẤT

MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Hôm nay tôi xin giảng kinh Thập-thiện, trước khi giảng kinh văn, tôi xin nói qua đại ý trong kinh. Hết thầy các kinh, đều gọi là khế kinh 契經; một là khế-lý (đúng chân lý), hai là khế-cơ (đúng căn cơ); hết thầy Phật pháp, đều theo hai cái nguyên tắc ấy mà tiêu rõ cái chân-lý trong hết thầy pháp lên, trong kinh gọi là phần tính-tướng chân thiết của mọi pháp, là chỗ tri-tuệ của Phật đã thân chứng tới, rồi đem ra mà chỉ bảo cho chúng sinh chưa chứng tới, cũng được nhờ đó mà chứng tới, thế là y theo cái nguyên-tắc khế-lý mà thuyết pháp; còn về mặt khế-cơ, là y theo loài giống, căn-tính, thời tiết, nhân duyên, lựa lấy chỗ thích-hợp với căn-cơ của hết thầy chúng sinh, mà thuyết pháp cho giác ngộ ra vậy. Có đủ cả hai nghĩa ấy, mới gọi là khế-kinh được. Bây giờ tôi cũng xin căn cứ vào hai nghĩa ấy mà nói rõ cái đại nghĩa trong kinh này:

I. — CÁI NGHĨA CHÂN-THỰC ĐÚNG LÝ

Nghĩa là đúng với cái nghĩa chân-thực về phần chân-lý của tính với tướng của mọi pháp. Cái nghĩa chân-thực đúng với chân-lý ấy, không vì thời gian mà biến đổi, không vì bờ cõi mà đổi

thay, bất luận là ở thời nào, đất nào, loài nào đều đúng như thế hết. Muốn rõ cái nghĩa chân-thực đúng-lý của kinh Thập-thiện này, xin chia làm ba đoạn như sau này :

1. Thập thiện nghiệp là một cái tôn chỉ lớn cho cả thế gian và ngoài thế gian (xuất thế gian)

Nghiệp là sự hành-vi. Thập thiện nghiệp là làm nên mười việc thiện : Thân có ba nghiệp : 1. không sát sinh ; 2. không trộm cướp ; 3. không tà dâm. Miệng có bốn nghiệp : 1. không nói dối ; 2. không nói hai lưỡi (hai giọng) ; 3. không nói ác (chửi rủa) ; 4. không nói thêu dệt (ong bướm lá lơi). Ý có ba nghiệp : 1. không tham muốn ; 2. không giận dữ ; 3. không mê đắm (sì). Làm được đúng thế là mười nghiệp thiện, trái lại là mười nghiệp ác. Nghiệp, không phải nhất định là xấu cả, phải coi tình chất nó mà ấn-định mới đúng. Trong lòng nghĩ thiện, làm ra có lợi ích cho chúng sinh, tức là thiện-nghiệp ; trong lòng nghĩ ác, làm ra tổn hại cho chúng sinh, tức là ác nghiệp. Nói tóm lại thì ba nghiệp thân, bốn nghiệp miệng, ba nghiệp ý ấy là thiện hay ác, lại phải xét đến cái quả sau này mới đoán định được ; nên biết mười thiện-nghiệp đó không phải là phần chỉ dạy riêng cho thế gian làm, mà trong các kinh Đại-thặng đều có dâng đến cả, vì thế nên có thể nói quyết rằng mười thiện-nghiệp ấy tức là một phép rất lớn giữ vững cho cả thế gian và cả xuất thế gian, lại tức là lời cốt đại-định nữa. Thế-gian thì bởi sự làm thiện đó mà được cái quả tốt sinh ở cõi nhân cõi thiên ; cõi thiên tức là một cõi, chúng

sinh sướng hơn cõi nhân ta, là nhờ cái công quả làm mười điều thiện mà thành ra, cho nên nói rằng những phần phúc - báo, ở cõi nhân cõi thiên, đều là do mười thiện nghiệp mà nên. Những sự hành-vi đạo-đức thông-thường của thế gian, so với trong Phật pháp, tức là năm điều răn (ngũ giới), nhưng muốn sinh thiên, thì cần phải làm đủ cả mười điều thiện ấy. Trên cõi dục-giới thiên lại còn có sắc-giới thiên và vô-sắc giới thiên, muốn sinh lên các cõi thiên ấy, phải tu phép tứ-thuần bát-định, nhưng cũng là bởi công tu thập-thiện mà thêm một cái công phu thuyên-định nữa thôi. Cho đến cái nghiệp vượt khỏi tam-giới, chứng quả bồ-đề ba thừa thanh-văn, duyên-giác, bồ-tát, cũng đều lấy thập thiện làm căn-bản mà tu nên. Cho nên giới pháp đại-thừa, cũng đều ở trong ý nghĩa thập-thiện cả. Bởi giới sinh ra định, bởi định phát ra tuệ. Trong mười ngôi bồ-tát, ngôi thứ hai là ly-cầu-địa, tức là bởi tu nghiệp thập thiện mà nên. Bởi công trì giới mãi tự nhiên định, tức là tu theo thập-thiện, công phu đã sâu trừ sạch được hết những cái ác nghiệp thân-miệng-ý rất nhỏ. Tâm không rối loạn mà được yên định, tức là bởi công tu thập-thiện mà tiến lên được một tầng; đến như bởi định phát ra tuệ, thì là cái công sau cùng phá tan vô-minh tà-kiến, nảy ra trí-tuệ viên mãn; thế tức là làm trọn vẹn được cái đạo tu thập-thiện, cho nên nói rằng cái quả thanh-tịnh ba thừa xuất-thế, cũng bao quát cả ở trong đạo tu thập-thiện, là một lẽ quyết định đúng với cái lý chân thực vậy.

2. Thập thiện nghiệp là cái nhân chính tạo nên nhân-gian và thiên-đường

Một con đường đi tắt đến nhân-gian lạc-quốc rất thiết thực, tức là cái đạo tu nghiệp thập-thiện. Nếu muốn đạt đến cái mục-dịch rất yên ổn vui sướng của loài người, cốt nhất phải vàng theo mười điều thiện không sát sinh không trộm cắp ấy. Nếu hay thực hành được mười điều thiện ấy, thì muốn chứng quả nào cũng được như ý tất. Hiện nay cõi đời cứ giết lẫn nhau hoai, đều là vì phóng tâm làm mười điều ác, không chịu làm mười điều thiện cả. Giá ai cũng chịu khó làm mười điều thiện, thì có thể biến cõi đời khổ não này ra cõi đời Cực-lạc ngay. Vì thế nên biết những sự thống-khổ của loài người bây giờ, đều bởi không chịu làm mười điều thiện, vì đó từ cá nhân đến xã-hội, đến nhà nước, đến cả cõi đời đều biến thành một cái bề khổ rất thống khổ. Trên cõi đời này, ai là người có tư tưởng, bất-luận là nhà tôn-giáo, hay các nhà học vấn về các môn khác, cũng đều có hy-vọng gây nên cõi đời yên vui cùng thân cùng yêu nhau cả. Song, cứ thực hành được mười điều thiện, thì cái chỗ thiên-đường ở trong lý-tưởng thánh hiền ngày xưa, đều có thể hiện ra sự thực ngay. Ngay như cái thuyết đại-dồng của nước Tàu, cái cõi hoàng kim của Tây-phương, cũng hiện ra sự thực cả, không có khó gì; Chỉ cốt đem cái ác tập thập-ác mà đổi ra cái thiện-tập thập-thiện, tức thì truyền được cõi đời ngũ-trược ác-thế này ra một nước Cực-lạc thanh tịnh ngay.

(Còn nữa)

TÂY-VỰC KÝ

THIỆU-CHỮ

(Trích dịch trong bộ Đại đường Tam-lạng Tây vực Ký)

I. LƯỢC-SỬ NGÀI HUYỀN TRANG PHÁP SƯ

Pháp sư húy là Huyền-Trang, họ Trần, người quận Trần lưu, là giồng giỏi quan Thái Khâu trưởng Trọng-Cung đời Hán. Tằng tổ ngài húy Khâm, làm quan Thái thú quận Thượng-đáng Đời Hậu nguy; Tở phụ ngài húy là Khang vì có học hơn người, đặc cách bổ Quốc tử bác-sĩ nước Tề phong ấp ở Chu-nam, vì con cháu mới thiên đến ở cả đấy mà đổi là người họ Hậu. Thân phụ ngài húy là Tuệ-anh, tính thuần khiết nhả nhậu, học thông kinh sử từ thuở trẻ, mình giải tám thước, my thanh mục tú, đai rộng áo tròn, có vẻ nho phong lắm, cho nên người bấy giờ đã ví người như ông Quách-hữ-Đạo. Tính ưa điếm đàm dấn dị, không thích cái thói vinh hoa hã của đời. Thấy chính trị nhà Tùy suy vi, liền ẩn tích ở nhà, lưu tâm sử sách, các quan châu quận thường tiễn cử luôn, triều đình cũng có chiếu đòi, người đều cáo ốm không ra, các bậc thức giả đều lấy làm phục lắm. Người sinh được bốn ông con trai. Pháp sư là thứ tư. Pháp sư từ nhỏ đã có khí tượng lớn lao, thông minh khác chúng. Năm lên tám tuổi, ngồi bên ghế cha, học Hiếu-kinh, đến chỗ « ông Tăng tử đứng dậy ». Pháp sư liền sóc áo đứng dậy, Cha hỏi vì có gì. Pháp sư thưa rằng: Ông Tăng tử nghe lời thầy bảo còn biết đứng dậy, nay con vâng lời cha dậy, lẽ nào dám ngồi yên. Cha nghe nói biết tất thành tài lớn, lấy làm vui lắm. Từ đó học hành tinh tiến, không bao lâu đã thông cả kinh sử, mà tính ngài thích cổ trọng hiền, sách nào không phải là sách chính đích không xem, sự gì không phải là sự thành hiền

không tập, không chơi bời với bọn trẻ bé, không giao thiệp với nhà hàng chợ; đám hội chen chúc ngoài đường, đám trò inh ỏi trong ngõ, ngựa xe như nước, áo quần như nêm, dù cảnh nhiệt náo đến đâu, cũng không hề bước tới ngõ qua. Ngài lại có tính thuần hiếu từ bé, ắp lạnh quạt nòng, một niêm hiếu kính. Anh thứ hai Ngài là Trảng-tiếp xuất gia từ trước, trụ trì ở chùa Tịnh-độ chốn đông-đô, biết pháp-sư có thể nối dõi giáo-pháp được, mới cho ngài đến ở đạo trảng học tập kinh pháp.

Vừa gặp có sắc vua ban cho độ-lãng ở Lạc-dương. Các sư ứng cử, chùng cách hơn ba trăm vị, ngài vì ít tuổi không được giữ thí, đứng ở ngoài cửa công xem. Quan đại-lý Khanh lúc đó là Trịnh-thiện-quả có con mắt tinh đời, nhác trông thấy ngài, lấy làm, kỳ lắm mới hỏi : « Người là con nhà ai ? »

Ngài khai rõ gia thế cho nghe. — Lại hỏi muốn xin độ không ? — Ngài rói : Có, nhưng vì tuổi trẻ học ít không được giữ thí. — Lại hỏi : Xuất gia ý định làm gì ? — Ngài đáp : ý tôi muốn xa thì nối dõi được cái cơ nghiệp của đức Như-lai, gần thì làm cho giáo pháp của Phật được rục rở. Quan nghe nói khen là chí lớn, lại quý về tướng mạo, mới đặc cách cho độ và bảo các quan rằng : « Tụng nghiệp dễ thành, cốt cách khó được, nếu độ người này, tất thành một cửa quý trong cửa Phật ; chỉ e tôi và các quan không được trông thấy cái quang cảnh bay tít trời xanh vẩy nước cam lộ mà thôi » Coi đó đủ biết Trịnh-khanh có con mắt sáng láng hơn đời thực. Ngài được độ đệ-p xuất gia rồi, cùng ở với anh một chùa. Bấy giờ trong chùa có ngài Cảnh-pháp-sư dâng kinh Niết-bàn, ngài hết lòng học tập, quên cả ăn ngủ. Ngài lại nghe ngài Nghiê-m pháp-sư dâng Nhiếp đại-thừa-luận, càng lấy làm thích quá, mới nghe một lần đã nhớ hầu hết, xem lại lần nữa, không sót chữ nào, chùng đều kinh phục, mới mời lên tòa giảng, tách bạch ngọn ngành, hết nghĩa thâm áo, tiếng khen của Ngài, bắt đầu nức lên từ đó, năm ấy Ngài mới

13 tuổi vậy.

Sau đó nhà Tùy mất nước, thiên hạ loạn lạc, chốn kinh đô hóa hang đạo chích, nơi thành thị hóa ò sài lang. Y quaa vùi lấp, đồ chúng tan tác, sương trắng đầy đường, khói đen mất tích, tàn hại sinh linh, nhiều nhưong bốn bề, thực chưa từng có bao giờ thế. Pháp sư tuy còn ít tuổi, mà đã sớm biết đạo biến thông, mới bạch với chúng rằng : « Đây tuy là nơi quê cha đất tổ, mà loạn lạc thế này, có lẽ nào ngồi mà chịu chết được. Tôi nghe vua Đường xuất các đồ chúng ở Tấn dương, đã chiếm cứ được Tràng-an, thiên hạ quy về, như theo cha mẹ, ta nên theo sang xứ đó là hơn. Mọi người đều nghe mới thu xếp khởi hành, bấy giờ là năm Vũ-Đức thứ nhất vậy.

Khi đó nhà Đường mới gây dựng nên, việc binh còn nhiều, cái thuật Tôn-ngộ còn cần thiết hơn mà đạo Phật Khổng chưa kịp bàn đến, cho nên cả chốn kinh thành chưa có một tòa giảng nào. Pháp sư lấy làm thương tâm lắm.

Nguyên xưa kia vua Tùy-dương-đế có xây bốn cái đạo-tràng, chiếu các cao tăng trong thiên hạ về ở. Các vị đã chiếu đến, đều là bậc có một môn sở trường cả, cho nên pháp tướng như rừng, mà mấy ngài Cảnh, Thoát, Cơ-Tiêm lại là hơn hết. Đến khi loạn lạc, đạo tràng tan lổ, các sư phần nhiều đi về Miên-thục. Các vị hiểu pháp lại tụ cả ở đấy. Pháp sư mới bạch với anh rằng : « Ở đây không có việc pháp, không thể bỏ phí thì giờ được, xin vào Thục học tập ». Ông anh bằng lòng. Ngài mới đi qua Tỳ-ngọ cốc vào Hán-xuyên, gặp hai vị Cảnh pháp sư và Khổng pháp sư, đều là bậc đại đức trong đạo tràng. Khi gặp nhau vừa thương vừa mừng khôn xiết. Ngài ở lại hơn tháng theo học, rồi cùng tới thành đô. Các vị đạo đức đã họp đồng, lại khai pháp đàn lớn, nhờ đó được nghe ngài Cơ-tiêm giảng Nhiếp luận tỉ-dam, và Chấn pháp sư giảng Ca duyên (có lẽ là Ca-la, môn học về

vô tướng). Ngài kính tiếc quang âm, chăm chỉ tinh tiến trong hai ba năm, thông suốt các bộ. Bấy giờ thiên hạ loạn lạc đói khát, chỉ có trong Thục là no đủ thái bình, cho nên bốn phương lặn chúng tìm đến rất nhiều, ở dưới tòa dăng, thường có ba bốn trăm vị, nhưng kẻ phần học rộng hiểu sâu, thì không ai bằng Pháp sư. Nội trong vùng Ngô, Thục, Kinh, Sở, đều biết tiếng hết, nghe tên kính mộ, tưởng cũng không khác gì cổ nhân kính ngưỡng cụ Lý cụ Quách vậy.

Năm Vũ đức thứ năm Pháp sư vừa hai mươi tuổi, được thụ cụ-túc-giới ở thành-dò, được giữ học hạ và học luật, ngũ-thiên bất-tu, qua một lượt đã hiểu rõ. Kinh, luật, luận đã thông hiểu rồi, lại định vào kinh, sam hỏi nghĩa khó, vì việc ngăn trở, không được như ý, mới lên đi đánh bện với các lái buôn xuống thuyền qua Tam giáp Tùng-giang chôn đi. Khi đến chùa Thiên-hoàng ở Kinh châu, lặn tục vùng ấy, nghe thấy tiếng ngài đã lâu, khi được gặp người, vui mừng khôn xiết, liền cùng mời ngài lên thuyết pháp. Ngài mới giảng Nhiếp-luận tỷ-dàm cho nghe, từ mùa hạ đến mùa đông, vừa chọn ba lượt. Khi đó ông Hán-duong-vương là họ thân nhà vua, lại có đức tốt, trọng chấn xú đó, nghe Pháp-sư đến lấy làm mừng lắm; liền thân chinh đến yết kiến và xin mở tòa dăng. Đến ngày khai dăng, Hán vương đốc xuất các quan và tăng tục đều đến giữ thỉnh, các nhà đại trí-thức, các bậc luận sư, kéo đến chật vãn luận-lý như mây như nước. Pháp-sư giải thích đối đáp, ai cũng hết lời căn vặn, thầy đều khiếp phục, người nào hiểu sâu, cảm quá hóa khóc lút mươi. Hán-vương cũng ngợi khen vô cùng; các đồ cùng dăng, chật đầy như núi. Pháp sư không lấy qua một tí gì.

(Còn nữa)

Nghĩa hai chữ « Tu - Hành »

của đạo Phật

Phần nhiều những kẻ vì thất vọng một điều gì, hay những kẻ nhìn đời bằng con mắt bi quan, những hạng ấy, đời đối với họ không còn vui thú gì nữa. Họ đem thân đến nương nhờ cửa Phật cho qua ngày đoạn tháng. Những kẻ ấy phần nhiều không hiểu rõ nghĩa hai chữ « Tu - hành » của đạo Phật. Họ thấy những sự khắc khổ của nhà chùa họ không đề nên nổi cái nhân tâm tức là cái sở-dục của lòng người.

Như vậy chẳng những không ích gì cho đạo mà lại còn có hại nữa. Cần phải hiểu rõ nghĩa hai chữ Tu-hành thì sự tu của mình mới mong có kết quả. Tôi xin trình đăng dưới đây về nghĩa hai chữ Tu-hành của một vị cư-sĩ họ nói rất kỹ càng :

« Hai chữ tu-hành thường đi liền với nhau : tu là đối với mình, nghĩa là tu luyện cái thân mình, hoặc nói là cái tinh thần của mình thì đúng hơn. Hành là đối với sự vật ở ngoài mình, nghĩa là hành đạo, làm điều từ thiện, tế độ chúng sinh. Về sự tu hành, Phật giáo có đặt ra tam quy ngũ giới, các điều ấy quan hệ đến cả sự tu và sự hành. Phật giáo dạy người ta tu-hành là để tiêu cái nghiệp, rút đứt giây nhân quả, thoát khỏi vòng luân-hồi, phép tu hành có thể gọi là phép nội-công, nghĩa là tự mình chuyên trị ở trong mình, lấy sức linh thần của mình làm chủ động. Phàm người ta đều có nhân tâm và đạo tâm. Nhân tâm là những sở-dục của người ta, đạo tâm là cái linh-khí cũng một thể với cái lẽ linh diệu của vũ-trụ; người ta muốn thành Phật, cùng với trời đất còn mỗi thì phải có công phu tu luyện, tại đời cho cái đạo tâm tăng tiến lên, cho được kiên cố và phải phá đổ cái nhân-tâm kia cho nó tiêu diệt đi. Thân khổ là vì những điều ham muốn. Trong thân có lục tặc, sáu tên giặc ấy là : Nhỡn, nhĩ, tỵ, thiệt, thân, ý ; mắt thấy sắc thì vui

tai nghe tiếng thì giận ; mũi ngửi mùi thì ưa ; lưỡi nếm vị thì thêm ; thân chịu đau thì buồn ; ý tưởng tốt thì muốn.

Trong mình có lục-tặc làm rối loạn, thì cái đạo tâm không được yên tĩnh, tất phải mờ ám, cái thân mình bị những sự vật ở ngoài sức cảm vào tất những tinh khí thần hồn là cái thể của đạo phải rung động luôn mà không thể kiên cố, vậy phải làm sao cho cái tâm được yên tĩnh, muốn cho cái tâm được yên tĩnh thì phải trừ lục tặc cho khỏi bị quấy rối.

Cái nhân tâm có nhiều điều sở dục nó quật cường lên như kia cho nên người tu đạo phải lấy sức tinh thần; tức là oái đạo tâm, mà đè nén nó xuống, kiềm giữ nó lại. Theo lẽ tự nhiên, phàm cái gì có tác dụng nhiều thì càng ngày càng tăng thêm sức mạnh, không tác dụng thì liêu ma đi như lời đức Khổng-tử nói : « Tài giả bởi chi, khuynh giả phúc chi », nghĩa là giống đó thì trời bổ thêm vào, nghiêng đó thì trời sỏ cho đi luôn. Cho nên cái đạo tâm càng trấn áp được cái nhân tâm bao nhiêu thì nó càng mạnh mẽ vững vàng thêm lên bấy nhiêu. Đến lúc cái đạo tâm trừ tuyệt được cái nhân tâm, cái đạo tâm còn đứng một mình thôi, thì người ta được an nhàn tự tại tinh thần thông thả đã gần bậc Phật rồi, có thể có được tuệ giác hiểu được huyền cơ của vũ-trụ, biết được bí quyết của tạo hóa, hay được sự quá khứ vị lai. Trong sự tu luyện, lúc đầu rất công phu gọi là hữu vi mà sau đã thành công quả rồi thì là vô vi vậy.

Cái đạo tâm trấn áp cái nhân tâm mà thành ra mạnh mẽ vững vàng, giống như người võ sĩ tập sách quả tạ, sách càng nặng, cân lực mình càng tăng lên, đè nén được những điều sở dục rất là khó. Cổ nhân có câu : « Đạo cao nhất tịch, ma thiên trọng », nghĩa là đạo cao một thước, ma ngàn trọng, ma đây không phải là ma quỷ mà chỉ là các điều ham muốn ở trong mình vậy. Lại có câu « Đạo đức cao thời ma chương cao », nghĩa là lúc đạo đức mình

cao, thì ma cũng cao. Ấy là người ta tu đạo phải nhịn các điều nhân dục, mà càng nhịn nó lại càng hăng lên, thúc dục mình dữ lắm, song mình phải cố gắng như người tập võ, mỗi ngày phải tạ nặng thêm lên, đến khi hai cánh tay sách nổi một ngàn cân thì là người mạnh vô địch vậy.

Xem như vậy thì tu hành thực là công phu lắm thay ! Phải trí tuệ kiên nhẫn đến thế nào mới thành chính quả được.

Đặng-văn Sửu

Phủ - Lạng - Thương

Việc làm chùa Hội-quán Trung-wong

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên bản hội đồng Quản-trị ngày 24 Octobre 1937 thì các hội-viên trong Hội đều cùng góp mỗi vị một đồng (1\$00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội quán.

Vậy xin dâng phương danh các vị đã cùng góp lên báo chương để thiện tin, thập phương chứng giám.

Các ngài : Tô văn Lượng, Nguyễn văn Thịnh, Phạm tài Luyện, Đặng văn Phong, Nguyễn thị Phụng, Nguyễn tử Vân, Hoàng công Ngọc, Phạm văn Phụng, Trần văn Lợi, Bành bội Chương tức Trịch thị Tâm, Đinh thị Huyền, Lê thị Hiền, Ngô thị Hy, Vũ thị Minh, Phùng thị Túu Nguyễn sơn Hà, Lê thị Tho, Thành née Phạm thị Mùi, Sầu née Vũ thị Loan, Nguyễn văn Đình dit Phúc Lai, Vũ thị Loan, Nguyễn thị Thìn tức bà Tú Cao hữu Chinh, Bùi văn Lung, Phùng văn Hân, Nguyễn văn Khang, Lê văn Khanh, Phạm văn Giáp, Trần thị Sửu, An văn Bình, Cung thị Phụng, Nguyễn thị Năm, Nguyễn thị Tuyên, Hoàng thị Tài, Nga thị Hữu, Nguyễn thị Thìn, Vũ văn Thích, Nguyễn thị Lụa, Nguyễn văn Diêm, Nguyễn đình Khoát, Nguyễn đấng Táp, Bùi văn Sinh, Bùi đức Long, Nguyễn thị Nga, Đỗ buy Tiên

Đoàn thị Hồng, Trần văn Ninh, Trần thị Nhi, Nguyễn thị Nghĩa, Trần thị Nguyên, Trần thị Chi, Lê thị Hội, Trần thị Long, Ngô thị Chuyên, Nguyễn văn Xuân, Đặng thị Bầy, Trần văn Nhiêu, Thái văn Nghiên, Lê đức Tiến, Phùng thị Ngộ, Vũ trọng Kiên, Phạm thị Ngần, Nguyễn văn Trý, Nguyễn trọng Giu, Lê đình Trạc, Đỗ văn Truật, Trần xuân Lan, Tô phương Tập, Trần thị Uyển, Nguyễn thị Dam, Nguyễn thị Gia, Dzuong quang Biêm, Nông thị Xương, Nông thị Thái, Trần thị Long, Lương thị Sâm, Dương thị Em, Nguyễn thị Long, Trần thị Ba, Phùng thị Kiu, Phùng thị Nguyệt, Nguyễn thị Ơn, An quang Phong, Nguyễn thị Giáp, Vũ chi Sý, Trần văn Chúc, Đỗ thị Nhơn, Nguyễn thị Hảo, Hoàng thị Lụa, Trần thị Tân, Nguyễn manh Kiêm, Nguyễn chi Nhân, Nguyễn thị Tuất, Trần văn Cả, Vũ thị Lý, Đoàn thị Minh, Phạm thị Chói, Nguyễn thị Triều, Bùi Khâm, Quách thị Mão.

THƠ PHÚ LỤC - ĐỘ

MỘNG - CHU LAI CÁO

1. THƠ BỔ - THÍ

*Cái lợi chung là cái lợi to,
 Làm chi tự lợi cứ bo bo.
 Khôn ngoan giắt lấy dần ngu dại.
 Đói rét giùm nên phận ấm no
 Mở cửa từ bi cho rộng rãi,
 Giữt đường san lặn chớ quanh co.
 Đã lòng bá thí đâu mà tiếc !
 Gì cũng vui lòng bố thí cho !*

PHÚ BỔ - THÍ

Quan 4 văn « phát bồ-đề-tám »

Cõi thế ba nghìn ; nước công một bát. Rộng lượng Như-lai ; mở lòng Bồ-tát. Người là vàng, của là ngãi, thái

đừng tự-lợi bon chen ; nhiều làm phúc, ít làm duyên, gì cũng từ-tâm phân phát. Há chẳng phải là cái cơ-sở tu tri, bước quan-đầu giải-thoát đấy du !

Cõi sa-bà, kia nhà hỏa trạch ; nọ nẻo hôn-cù ; Nhiều bề khổ-não ; lắm nỗi phiền lo ; Nào đói nào rét, nào hèn nào ngu. Nào cơ-vận nhỡ ; nào hoạn-nạn to. Mắt thấy lòng thương, thương kẻ sống mêngoi-ngóp ; tai nghe ruột xót, xót người bề khổ quanh co. Thần từ-bi đâu có hẹp hòi, trông gương vườn Cặp ma san-lạn muốn không lần-quất, nấp bóng cây bồ. Cho nên bố-thí, nghĩa là khắp cho,

Cho tiền, gạo, thóc, cho vải, lụa the ; cho mặc lành lẽ, cho ăn no-nề ; ấy là tài-thí, đừng có khát-khe. Cho nời khuyên nhủ, cho tiếng răn đe ; giảng kinh cho biết, thuyết pháp cho nghe ; ấy là pháp-thí, đừng sợ ngăn che. Sòng sâu chẳng sợ, lửa nóng chẳng ghê ; là vô-úy-thí, không mặt ú-ê. Công danh chẳng quản, tính-mệnh chẳng nề ; là căn-hản-thí, không lòng đắm mê. Ấy lục-tu thí vốn ở đầu, thuyền Bát-nhã chớ dời tay Xả-lợi, dù thất-bảo thí chưa là phúc, ngọc kim-cương nên tạc dạ Bồ-đề. Áo Phạm-thứ ai liền-tặng bao giờ, gương lòng còn tỏ ; cơm phiêu mẫu lúc sê san ngày nọ, chuông miệng chưa rè. Giốc bồ thương kẻ ăn đông, ai-liên nhất thiết ; bớt bớt cho người mát mặt, hoan-hỷ trăm bề.

Ngán thay ! những người hay lặn, không biết là nhằm, hay lặn là lẩn, mà tham thì thâm. Một đồng một chữ chẳng ly, đồ máu mắt luống ky cóp để ; từng tí từng ly cùng tiếc, động mảy lông những xót xa thẳm. Cuộc cả vào lòng, sống mặc kẻ cơ hàn-tật bệnh ; tiền liền với ruột, chết kệ ai quan-quách-y-khâm : Nhân ấy đã lạc vào đường tối ; quả kia khôn thoát khỏi bề trầm. Kiếp luân hồi sau phải dọa đày. Ngục ngã quỷ vẫn đợi người biển-lặn ; đường bố thí trước không tu tỉnh, luật Diêm vương khôn lọt lưới u-âm. Ăn năn thì sự đã rồi, thân ấy tránh sao ác-nghiệp ; mau chóng mà tu cho sớm, ai ơi giữ lấy bả tâm !

(còn nữa)

Cư - sĩ : Lê như-Tiếp

THỜI SỰ

TIN THẾ - GIỚI

Cuộc âm mưu đảo chính ở Pháp bị khám phá. — Ngày 24 Novembre vừa qua, bên Thượng-quốc đã đưa lại cho ta một tin rất lạ lùng ghê gớm. Ty Quốc-gia công-an Pháp công bố đã khám phá được một cuộc âm mưu rõ rệt định đánh đổ Chính-phủ Dân-chủ hiện thời để khôi phục lại chế độ Quân chủ họ Bourbons như xưa. Cuộc cách mệnh này do đảng Mặt nạ đen (Cagouards) chủ trương. Người ta đã khám xét và bắt được ở dưới các hầm nhà hàng cơm, nào súng cối say, tạc đạn, lựu đạn, thuốc nổ, pháo được, hơi độc, v. v. ở ngoại quốc đem vào. Cách bố trí quân cơ của họ đã dự bị hầu như của một chính-phủ. Bộ tham mưu, ban trình thám và trong quân đội có sư đoàn, lữ đoàn hẳn hoi. Thủ mưu thì toàn là những danh nhân, đại tướng cùng nhiều chính khách có tên tuổi ở Pháp xưa nay. Thực là một cuộc âm mưu đảo chính rất nguy hiểm từ Đệ-tam Cộng-hòa thành lập đến nay chưa từng có. Người ta ngờ có bàn tay bí mật của Đức Ý hoặc Franco giúp sức. Vận mạng Chính - phủ Bloch-dân may biết chừng nào. Nếu không biết mà khám phá ra được, cái ngòi hỏa dược kia chỉ một tí lửa là nổ bùng, sẽ đưa toàn dân nước Pháp vào đám khói lửa nội chiến như Tây-ban-nha. Ôi, những người đầu nêu cuộc phục tích ấy nghĩ thế nào mà làm ra như thế ? Nghĩ làm thế để cho nước cường chẳng, hay là chẳng qua cũng chỉ vì tư lợi ? Bảo để cho nước cường, thì từ Đệ tam Cộng-hòa thành lập đến nay, gần chống với các phái quân chủ Âu-châu, xa chính phục thuộc địa, làm bá chủ thứ hai ở hoàn cầu. Quốc-gia Pháp như thế còn chưa cường dư. Mà nay đã suy vì gì ? Phương chi hiện nay bên cạnh thì hai mặt cường lân Đức, Ý, nhóm nổi, xa xa thì Nhật-bản làm đảng viện cho họ, họ ứng ở Á đông và đang tung hoành khiêu khích, cuộc thế giới đại chiến khó lòng mà tránh khỏi. Thế mà

ở trong nước, đảng Phục-lịch muốn nên công tất phải gây thành nội chiến. Nội chiến tóe ra, vận mạng Tộc quốc sẽ ra sao. Ngoại hoạn nội hồng sẽ tránh sao cho thoát. Vậ dám chắc chỉ vì ba cái nghiệp « tham, sân, si » nó che lấp lòng người mà quên mất cái họa loạn chung ở sau lưng đó thôi. Có người nói : Xem hiến pháp thì Pháp tuy lập Dân chủ mà dân quyền còn kém xa nước Anh. Song không biết dân quyền là ở trình độ dân trí, chứ không ở chính thể nào. Dân quyền Mỹ há kém gì dân quyền Anh.

Ngọn lửa nội chiến Tây-ban-nha vẫn chưa tắt. — Theo tin bên Âu thì vào trung tuần Décembre, quân Chánh phủ Tây-ban-nha thắng lợi nhiều, phá được nhiều nơi tập trung của loạn quân, triệt các đường lương thực. Mặt trận Brunette và Villa Neuva Dela pas, quân Chánh-phủ phá nát nhiều phòng tuyến bên địch. Không biết cuộc nội chiến này đến bao giờ kết liễu, cho xương sinh Tây-ban-nha được trông thấy mặt trời. Bên nào cũng nói là vì chủ nghĩa mà chiến. Mà chủ nghĩa nào cũng hay, cũng vì dân vì nước cả, cho nên người ta không quản hi sinh đồng bào để vì chủ nghĩa. Thành ra những cuộc nội chiến ngày nay bên nào cũng có lý giả, cũng vì dân vì nước, mà đều vô tội. Nhưng chỉ khổ là cái đám người vô cố, bị sua đuổi, rầy sèo, làm núi xương sông máu kia thôi.

Hội Quốc-liên từ nay lại vắng Ỗ. — Hội-ngộ toàn-quốc Ỗ đã nghị quyết ra hội Quốc-liên. Ông Thủ-tướng Ỗ, Mussolini đã tuyên bố nói hội Quốc-liên là cái lâu-đài không lo hòa bình mà chỉ gây chiến tranh nên Ỗ phải ra hội. Ông Mussolini nói thế nghĩa là mấy vị đàn anh như Anh, như Pháp chiếm những phần lớn thuộc địa mà không chịu phân phí cho ai, thế là không lo hòa-bình chỉ gây chiến tranh đó. Lời nói sân hận biết bao.

TRUNG-NHẬT CHIẾN-TRANH. — Duyệt hòa bình Đông-Á, thực hành Đại Á tế Á chủ nghĩa, đó là khẩu

hiệu người Nhật đánh Tàu ngày nay. Nếu khẩu hiệu ấy mà thành sự thực, không biết Nhật sẽ là Tướng Kim-cương nhà Phật hay là Tướng Ma - vương của nhà Ma. Việc đó phải bằng ở sự làm chứ không tin ở lời nói được. Song hiện nay thì Nhật cứ thẳng hoai, Tàu cứ thua rấp. Mất gần toàn bộ Hoa-bắc, kể mất Thượng-hải là chỗ cổng cái của nước, kể mất Nam-kinh là thủ đô trung chấn. Ngày 17-12 quân Nhật chững chặc kéo vào thành Nam-kinh mở hội ăn mừng thắng trận cho bố cái giá mua đất Nam-kinh bằng 1 vạn mạng quân với hơn 20 triệu bạc binh phí. Sau khi lấy được Nam-kinh rồi, Nhật đang tiến binh ba mặt, mặt do Nam-kinh xuống nam đánh Quảng-đông, mặt do Thượng-hải lên đánh Sơn - đông và mặt do bản quốc đem 50 vạn quân sang Mãn-châu và Nội-mông để dự bị giao chiến với Nga. Đối với Anh với Mỹ dường như Nhật không kiêng nể gì. Đã đánh đắm cái tàu Panay của Mỹ, hôm 13-12 lại ném chìm 4 chiếc tàu Anh ở gần Nam-kinh, mà chỉ điều đình bằng lời xin lỗi. Dự luận Mỹ sồn sào lắm. Anh thì lập thêm 5 đồn giữ Hương-cảng và tăng tàu Hải quân. Cuộc thế-giới đại chiến, cơn có mây mù tới lớp kéo lên khắp mặt đất đông tây, không biết sinh linh thế giới có thoát khỏi cái nạn lửa binh ghê gớm này không. Còn Tàu thì đã lập tân đô tại Tứ-xuyên và luyện 50 vạn tinh binh và đặt trận địa mới quyết phục thù. Tuy vậy mà Bắc-binh cũng đã thành lập chính phủ Trung-hoa Dân quốc mới do Nhật ủng hộ. Bắc binh gọi lại tên cũ là Bắc-kinh, đổi lại hiệu cờ thanh thiên bạch nhật của Tướng làm 5 sắc chỉ về 5 giống dân Hán, Mãn, Mông, Hồi, Tạng, như hiệu cờ hồi đầu Dân-quốc. Chính phủ đều là người cũ. Tào côn (Nguyên Tổng lĩnh) làm Thống-lĩnh, Ngô-hội-Phu làm Phó Thống lĩnh, Tề-nhiếp-Nguyên làm Thủ-tướng (mới bị ám sát). Tổng trưởng các bộ như ông già Từ thế Xương và Vương-khác-Mãn là phái thân Nhật và tán thành chủ-nghĩa Đại Á-tế-á.

TIN TRONG NƯỚC

Một số tiền quyền rất lớn cứu dân bị lụt Bắc-kỳ. — Đời chính-pháp là đời chính-sách đại-dồng cực lạc thực hiện và phổ cập ở thế-gian, không cần phải dùng phép bố-thí. Nhưng đời mặt pháp là đời trị hóa suy, nhân dân nhiều tai ách, thì lại phải cần đến phép bố-thí. Bố-thí để cứu cấp, để cho bớt khổ. Như cuộc quyền giúp nạn dân mà Nhà nước chủ-trương, nay kết toán được đến 20 vạn đồng. Quan Thống-sứ Châtel trình quan Toàn-quyền Brévié biết mỗi liên lạc của dân tộc sứ này là thế. Quan Toàn quyền cũng đã gửi lời quan Thống sứ tỏ ý Ngài rất cảm động tình đoàn thể các người Tây-Nam đối với dân nạn lụt Bắc-kỳ và Ngài gửi lời khen ngợi các người đã giúp quan Thống-sứ trong cuộc cứu-tễ ấy. — 20 vạn bạc cứu tế lúc kinh tế khó khăn này, quý hóa biết bao. Lại của Chính phủ Thượng quốc và vị tướng Tư-lệnh Trung-hoa quyền cho chưa kể. Nạn dân miền Bắc hồi này sẽ đỡ được nhiều về sự cơ-cực đói rét. Song xem như mấy lần cứu-tế trước thường xảy ra những sự kiện cáo về hào lý ăn bớt của dân. Vậy lần này chúng tôi khuyên các ông hào-lý nên mở lượng từ-bi, thể lòng quan trên, thể lòng các nhà từ-thiện đã đem mồ-hôi nước mắt gửi giúp nạn dân mình đang quằn quại trong cái bề khổ đói rét, thì các ông đừng nên mượn cái tiếng cứu nạn dân mà nbiễm chỉ. Thiện-ác bởi tâm mà họa-phúc cũng tự tâm tạo lấy, chớ nên dối mình,

Phái bộ công thương Bắc kỳ qua thăm Xiêm Lào. Nhân dịp Trung-Nhật chiến-tranh, dân nhiều sự bất là dân Hoa-kiều tây-chạy không buôn bán Nhật. Không bỏ lỡ thời cơ, quan Thống-sứ Châtel đã hội với quan Võ-hiễn Hoàng-trọng-Phu cử một phái-bộ công-thương người Bắc kỳ đem hàng hóa của ta chế tạo sang chừng bầy và giao tiếp với các yếu nhân bên ấy Phái-

hộ có bảy người, đi từ cuối tháng Novembre đến ngày 6 D ezembre đã về tới Hanoi, Phái hộ nói đã có kết-quả hay lắm. Những đồ hàng ta như : đồ hộp, đèn, đồ thủy tinh, đồ sơn đồ đan, guốc, đôi mồi, xừng g m, lụa, đồ da đều được người bản xứ hoan-nghênh, lắm. ở Vientiane cũng như ở Thakhet, cuộc ch ng bày kết quả rất tốt, những hàng cặp da, đèn, guốc, chemisettes, pull'overs, mũ, bán được nhiều. Lại giấy đặt mua hàng (commandes) tới 4.000 đồng. Nhất là ở Ai lao lại sản thứ gai làm bao tải rất tốt, mà ta đang tìm cách chế-tạo nghề ấy, cho Đông-dương mỗi năm khỏi phải mua ở nước ngoài tới 2 500.000 đồng. Xem cuộc c động hàng hóa trên ấy, các nhà công thương xứ ta không nên bỏ lỡ dịp may, để mà vẫn cứ n  lấy cuộc khốn-cùng của quần-chúng.

Cuộc Hội-họp công đồng tại Saigon. — Đêm 28 Novembre 1937. có tới 3000 dân chúng hội họp rạp hát Thành-xương Saigon để bày tỏ nguyện vọng mà đư-bị trình với phái bộ Thượng quốc khi qua đây. Có ba bản. Đại khái xin cho dân chúng Đông dương được mọi quyền tự-do về tập hội, về ngôn luận v.v. Lại xin mở l c quyền giúp nạn dân Tàu. Coi đó biết trong Nam bao giờ các người trí thức cũng đ ng mãnh tinh tiến về việc giải thoát quần-chúng.

Việc bãi trừ nạn thuế phiện với Đại hội nghị. — Vấn đề thuế thuốc phiện, ông Lê-Th ng nói : Một thành Hanoi 300 cái tiem hút, đủ người Tây Nam, giai gái, thiếu niên 16, 17 tuổi, công nhiều đến hút mà chính ông trông thấy, ông xin Chính phủ nên trừ cái nạn hại sức khỏe hại n i giống cho dân, mà đừng trông vào ngạch thuế ấy. Song vì thuế thuốc phiện là một khoản thu-nhập lớn, không thể bãi được, nên Hội-nghị chỉ dùng cách tăng giá thuốc-phiện cũng là cách hạn chế người hút. Thuế phiện cũng thuộc về giới cấm rượu mà nó còn hại hơn V y xin ai n y, nhất là đ -t  Phật nên tự mình trừ bỏ trước.

PHẬT-GIÁO TÂN-LUẬN

(Chứa lại Đuốc-Tuệ số 74, từ trang 9 đến trang 14. Xin các Ngài Độc-giả đóng thay vào những trang số ấy)

phương-tiện ở ngoài, chỉ có xuất thế pháp mới là phần chủ cốt bao giờ cũng phải giữ cho cái tông chỉ bản-ai được thuần túy thanh-lịch. Đã phân nhiệm vụ cho nội học với thế học và đã định cái chương trình tham-học như thế là bao quát mà không hỗn tạp rồi nên trong các kinh sách đạo Phật không công nhiệm chính-thức dạy về những phép doanh-sinh trị-quốc nữa là do cơ đó. Dưới đây tôi lại nói về kinh Di-giáo. Phạm người ta có tự-giác rồi mới giác-tha được, có đủ sức tự-độ rồi mới độ thế được. Cho nên trong môn-pháp đạo Phật, người đã đi giác-dào độ thế, tất phải là bậc Bồ-tát. Bồ-tát là bậc tu-học đã thành tựu, đức cao tài rộng có khi gần tới bậc Phật. Đã là Bồ-tát thì dù vào chỗ nguy-nạn cũng không sờn, ở chốn trần-biêu cũng không nhiễm. Như thế mới cứu được đời mà làm tỏ rạng cho đạo. Còn như kinh Di-giáo là kinh chuyên dạy bậc Bỉ-khâu là bậc còn đang cần phải tu-học, qua bậc này mới lên đến bậc Bồ-tát. Nay còn đang ở vào cái thời-kỷ tu học chưa viên-mãn, tài đức chưa hoàn toàn, thì đã giác-tha độ thế thế nào được. Cho nên Đức Thích-ca dạy bậc Bỉ-khâu không được can dự việc đời, là ý Ngài nói còn đang tu-học ở bậc ấy thì chưa được can-dự với, chứ có phải là dạy phạm đệ-tử Phật ai cũng không nên can dự việc đời đâu.

— Việt nam ta từ hồi Đinh Lê lập quốc đến Lý Trần hơn ba trăm năm là một thời đại toàn-thịnh trên lịch-sử, và chính là một thời-đại đạo Phật tham dự chủ quyền quốc-gia Thế mà những người trong đạo Phật ra làm việc nước, như xuất-gia, có phải Khuông-Việt Thái-sư, tại gia có phái Trần Thái-tông, đều là những người

kiềm-ru về hai đạo Phật học và Nho cả. Chỗ chủ-trương của những nhà lãnh-tu về phái Phật-học ứng-thể lúc ấy là : Phật với Nho phải phân công hợp tác mới thành được cuộc trị-hóa cho đời. Cho nên Viên-triều Thiều sư đời Lý ví Phật với Khổng như mặt giăng với mặt gò cùng chia chức việc với nhau, triêu ánh sáng cho thế-gian, mà rằng :

Trú tắc kim - ô hiện, 晝則金鳥見,

Giạ lai ngọc-thỏ minh. 夜來玉兔明.

Dịch :

Mặt gò triêu ban ngày, mặt giăng soi đêm tối
Đến vua Thái-tông nhà Trần thì nói lại càng thiế-
yếu hơn. Nhà vua rằng : « Đạo của Đức Phật ta lại
mượn Đức Tiên Thánh để truyền ra cho đời
我佛之教又假先聖人以傳於世 ». Phàm cái gì
ta cần dùng mà ta thiếu thì mới phải mượn, nay
Trần-Thái-tông nói thế, nghĩa là đạo Phật phải mượn đạo
trị-bình của Khổng - tử để hiện thực chủ-nghĩa từ-bi
cờu thế của mình ra cho thế-gian. Đó tức là cái
tinh ý Bồ-tát cầu pháp bao quát mà không hỗn-tạp
vậy. Ấy cái hiệu-quả Lý-Trần sùng Phật mà nước cường
dân thịnh là do ở đệ-tử đạo Phật biết cách tham-học đó.

Trên ấy tôi đã nói rõ về cái hiệu-quả Lý-Trần
sùng Phật mà nước thịnh là do ở đâu rồi. Đây tôi lại
thuyết minh về cái nghĩa trung-thần Nhật-bản nhiều
người nhờ Phật cảm hóa cho là bởi cơ gì.

Người ta làm việc gì cũng là do ở tư-tưởng nó đưa
đi, những lúc Phật-học xương-minh, người ta được
cảm sâu về những nghĩa từ-bi, bình-đẳng, lại chịu ảnh-
hưởng của cái quan niệm « sắc không không sắc » là
cái quan niệm khoáng đạt vô-tư-kỷ, bởi thế nên người
ta thường dám hi sinh hết thảy dòi riêng của mình cho
công-nghĩa, coi những sự xả sinh tựu-nghĩa, xét
thân thành nhân là những phận việc phải làm
và làm một cách ung-dung không miễn cưỡng.

(còn nữa)

HỢP THO

(Qui danh các vị gửi gĩa tiền báo Đuốc-Luệ)

Sư bà chùa làng Đông đờ Phúc-yên	1\$00
M. M. Trần văn Uyên, Nam-dịnh	1.00
K. Nguyễn văn Tho, Long xuyên	1.50
Trịnh văn Soi, Ninh bình	1.50
Phạm văn Vãn, Hanam	2.00
Sư cụ chùa Sáng, Gia lâm, Bắc ninh	4.00
Tư minh Đẳng, Sơn tây	1.00
Ruy minh Tâm, Sơn tây	1.50
M ^{me} Trương thị Nhân, Chợ lớn	1.00
M. M. Lê công Sơn, Chợ lớn	1.00
Nguyễn khắc Ấng Sơn tây	0.60
Sư ông Tự thanh Dương, Hanam	1.00
Nguyễn đặng Bằng, Chợ lớn	1.00
Lê văn Triết, Hưng yên	1.00
Vinh thuận, Nam định	1.00
Nguyễn văn Quyên, Travinh	1.00
Ngô vi Liễn, Bắc ninh	1.00
Phạm văn Kính, Hadong	1.50
Bùi văn Thiện, Thái bình	1.00
Ngô kim Tông, Seclrang	1.00
Trần cao Tiêu, Thanh hóa	1.00
Trần xuân Tiệp, Tourcham	1.00
Đặng ngọc Oanh, Bắc ninh	1.00

PHƯƠNG DANH CÁC VỊ CỨNG TIỀN VÀO

TRẢNG THUYỀN HỌC

Chi hội Phật-giáo thành phố Nam-dịnh	20\$00
Nguyễn khắc Xương ở xã Bang ba phủ Nam xang	1.00
Chi hội Bắc-ninh	5.00

CÁI CHÍNH

Bài « Phật giáo tân-luận » trong Đuốc-Tuệ số 74 từ trang 9 đến trang 14. trong có nhiều đoạn sắp điên-đảo. Nay xin chữa lại, mỗi kỳ 1 tờ (2 trang) xin độc giả lượng cho Bài chữa đã đề ở từ cuối số này

KINH TRÌNH CÁC GIÁO HỮU VÀ THẬP - PHƯƠNG THIỆN - TÍN

Nhờ ơn Phật - Tổ ủng hộ công việc chúa hương của Hội Phật - giáo ta mỗi ngày một bành trướng, số hội viên hiện nay đã khá nhiều, nên hội có cử M. Đoàn văn - Tuyển đi từng nhà các hội viên để thu tiền nhập Hội và niên liêm, vậy các giáo - hữu thấy M. Đoàn - văn - Tuyển đem biển thu tiền của Hội đến thu, thì xin cử tin nhiệm mà giao tiền cho, và biển vào bảng thu tiền là : đã đóng tiền rồi.

Các hội viên qua lại Hội quán trong khi, lễ bái nên muốn liền đóng liền ngay thì xin cử đóng cho Sư Cụ Cần là Dương Gia chùa Hội quán, hay ông Nguyễn hữu Kha là Trưởng - Ban Hộ - Niệm thu nhận.

hững số liêm của Hội - viên đóng sẽ chuyển giao sang ông Tổng Thủ Quỹ của Hội nhận giữ.

Ban Trị-sự Hội Phật giáo Bắc kỳ

Kính đạt



Chân-dung M. Đoàn văn Tuyển

11111111

hồ-
hồ
Q